

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 101 Men 50 LC Meter Breaststroke

KLQG: 28.28 # 5/2022 Pham Thanh Bao  
 KLDH: 28.39 \* 12/2010 Nguyen Huu Viet

Ben Tre  
 Hai Phong

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Pham Thanh, Bao r:+0.68	21	Ben Tre	28.72	28.71	
2 Le Nguyen, Paul r:+0.65	30	An Giang	29.78	29.18	
3 Tran Duy, Khoi r:+0.65	25	TP Ho Chi Minh	29.99	29.60	
4 Le Trong, Phuc r:+0.63	17	An Giang	29.94	29.71	
5 Ta Minh, Hieu r:+0.65	17	Hai Phong	30.40	29.99	
6 Nguyen Van, Thang r:+0.69	22	Ha Noi	30.26	30.01	
*7 Le Thanh, Duoc r:+0.64	18	Quan Doi	30.27	30.10	
*7 Ho Nguyen Duy, Khoa r:+0.65	17	Quan Doi	30.23	30.10	

## Event 101 Men 50 LC Meter Breaststroke

KLQG: 28.28 # 5/2022 Pham Thanh Bao  
 KLDH: 28.39 \* 12/2010 Nguyen Huu Viet

Ben Tre  
 Hai Phong

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Pham Thanh, Bao r:+0.72	21	Ben Tre	28.00	28.72	q
2 Le Nguyen, Paul r:+0.64	30	An Giang	28.80	29.78	q
3 Le Trong, Phuc r:+0.65	17	An Giang	29.67	29.94	q
4 Tran Duy, Khoi r:+0.69	25	TP Ho Chi Minh	30.36	29.99	q
5 Ho Nguyen Duy, Khoa r:+0.68	17	Quan Doi	29.50	30.23	q
6 Nguyen Van, Thang r:+0.74	22	Ha Noi	29.00	30.26	q
7 Le Thanh, Duoc r:+0.63	18	Quan Doi	30.00	30.27	q
8 Nguyen Huu, Kim Son r:+0.67	20	Da Nang	29.00	30.28	q
9 Ta Minh, Hieu r:+0.65	17	Hai Phong	30.00	30.40	
10 Bui Sy, Nhat r:+0.70	15	TP Ho Chi Minh	30.46	30.59	
11 Cao Chi, Hieu r:+0.78	18	Dong Nai	30.00	30.95	
12 Tran Dinh, Tau r:+0.69	20	Da Nang	30.00	31.13	
13 Vo Minh, Hieu r:+0.70	16	Dong Nai	30.50	32.06	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 101 Men 50 LC Meter Breaststroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
14 Le Manh, Cuong r:+0.70	16	Ha Noi	31.00	32.70
15 Tran Sy, Dai r:+0.74	16	Binh Duong	32.29	32.71
16 Nguyen Minh, Tri	23	Hai Phong	31.00	33.16
17 Pham Tuan, Anh r:+0.72	14	Thua Thien Hue	NT	38.14

## Event 102 Women 50 LC Meter Breaststroke

KLQG: 32.46 # 12/2010 Pham Thi Hue  
 KLDH: 32.46 \* 12/2010 Pham Thi Hue

Quang Binh  
 Quang Binh

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Nguyen Thuy, Hien r:+0.69	13	Quan Doi	33.87	33.41	
2 Vu Thi, Phuong Anh r:+0.71	21	TP Ho Chi Minh	33.97	33.74	
3 Vo Thi, My Tien r:+0.67	17	Long An	34.53	33.94	
4 Nguyen Ngoc, Anh Thu r:+0.65	15	Quang Binh	34.67	34.32	
5 Ha Thi, Kieu My r:+0.73	14	An Giang	35.76	35.14	
6 Le Thi, Nhu Quynh r:+0.70	17	Da Nang	35.17	35.16	
7 Ngo Thi, Hien r:+0.70	14	Da Nang	35.73	35.46	
8 Bui Quynh, Anh r:+0.75	13	Ha Noi	36.09	35.51	

## Event 102 Women 50 LC Meter Breaststroke

KLQG: 32.46 # 12/2010 Pham Thi Hue  
 KLDH: 32.46 \* 12/2010 Pham Thi Hue

Quang Binh  
 Quang Binh

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Thuy, Hien r:+0.70	13	Quan Doi	34.00	33.87	q
2 Vu Thi, Phuong Anh r:+0.71	21	TP Ho Chi Minh	33.56	33.97	q
3 Vo Thi, My Tien r:+0.77	17	Long An	33.00	34.53	q
4 Nguyen Ngoc, Anh Thu r:+0.76	15	Quang Binh	32.90	34.67	q
5 Le Thi, Nhu Quynh r:+0.72	17	Da Nang	34.50	35.17	q
6 Ngo Thi, Hien r:+0.71	14	Da Nang	33.70	35.73	q
7 Ha Thi, Kieu My r:+0.74	14	An Giang	34.00	35.76	q
8 Bui Quynh, Anh r:+0.69	13	Ha Noi	34.00	36.09	q
9 Tran Ha, Trang r:+0.79	21	Hai Phong	34.00	36.16	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 102 Women 50 LC Meter Breaststroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
10 Le Diem, Quynh r:+0.62	16	Ha Noi	35.00	36.50
11 Tran Thi, Hue Man r:+0.55	12	TP Ho Chi Minh	35.41	36.63
12 Nguyen Dieu, Vy r:+0.65	13	Thanh Hoa	35.00	36.77
13 Phung Ngoc, My r:+0.79	20	Hai Phong	34.00	37.20
14 Hoang Thi, Kieu Mai r:+0.83	13	Hai Duong	NT	38.59
15 Pham Tran, My Han r:+0.82	15	Thua Thien Hue	NT	43.01

## Event 103 Men 100 LC Meter Freestyle

KLQG: 49.03 # 2017 Hoang Quy Phuoc  
KLDH: 49.79 \* 01/12/2018 Phuoc Hoang Quy

Da Nang  
DNG

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.60 24.33	22	TP Ho Chi Minh	50.93	49.94	
				24.33 (25.61)	
2 Hoang Quy, Phuoc r:+0.66 24.11	29	Da Nang	51.06	50.19	
				24.11 (26.08)	
3 Tran Hung, Nguyen r:+0.63 24.66	19	Quan Doi	51.76	50.74	
				24.66 (26.08)	
4 Ngo Dinh, Chuyen r:+0.64 24.63	21	Quang Ninh	52.54	51.38	
				24.63 (26.75)	
5 Do Ngoc, Vinh r:+0.63 25.19	18	Ha Noi	52.96	51.69	
				25.19 (26.50)	
6 Nguyen Quoc, Khai Hoan r:+0.61 25.34	19	Da Nang	52.51	52.36	
				25.34 (27.02)	
7 Vo Tri, Trung r:+0.77 25.78	18	An Giang	53.13	52.51	
				25.78 (26.73)	
8 Do Thanh, Thuan r:+0.74 25.83	21	Binh Duong	54.11	53.76	
				25.83 (27.93)	

## Event 103 Men 100 LC Meter Freestyle

KLQG: 49.03 # 2017 Hoang Quy Phuoc  
KLDH: 49.79 \* 01/12/2018 Phuoc Hoang Quy

Da Nang  
DNG

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.61 24.11	22	TP Ho Chi Minh	50.14	50.93	q
				24.11 (26.82)	
2 Hoang Quy, Phuoc r:+0.65 24.41	29	Da Nang	50.20	51.06	q
				24.41 (26.65)	
3 Tran Hung, Nguyen r:+0.65 24.99	19	Quan Doi	50.00	51.76	q
				24.99 (26.77)	
4 Nguyen Quoc, Khai Hoan r:+0.62 25.36	19	Da Nang	52.80	52.51	q
				25.36 (27.15)	
5 Ngo Dinh, Chuyen r:+0.68 25.11	21	Quang Ninh	50.20	52.54	q
				25.11 (27.43)	
6 Do Ngoc, Vinh r:+0.66 25.69	18	Ha Noi	51.00	52.96	q
				25.69 (27.27)	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 103 Men 100 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
7 Vo Tri, Trung	18	An Giang	52.20	53.13	q
r:+0.71 25.71	53.13	(27.42)			
8 Do Thanh, Thuan	21	Binh Duong	55.80	54.11	q
r:+0.71 26.14	54.11	(27.97)			
9 Vo Dinh, Phi	17	Hai Phong	54.00	54.18	
r:+0.69 25.68	54.18	(28.50)			
10 Nong Nguyen, Phuong Nam	16	Binh Phuoc	55.00	56.08	
r:+0.66 26.65	56.08	(29.43)			
11 Phuong Duc, Binh	19	Ha Noi	55.00	56.21	
r:+0.71 27.18	56.21	(29.03)			
12 Mai Duc, Hieu	12	Quan Doi	56.80	57.68	
r:+0.65 27.70	57.68	(29.98)			
13 Nguyen Hoang, Khang	19	Vinh Long	52.00	59.57	
r:+0.66 28.74	59.57	(30.83)			
14 Le Nhat, Quang	15	Hai Phong	57.00	59.86	
r:+0.69 28.63	59.86	(31.23)			
15 Pham Tuan, Anh	14	Thua Thien Hue	NT	1:05.56	
r:+0.75 29.90	1:05.56	(35.66)			
16 Trinh Dinh, Hieu	13	Binh Duong	59.60	1:07.20	
r:+0.74 30.60	1:07.20	(36.60)			

## Event 104 Women 100 LC Meter Freestyle

KLQG: 55.76 # 8/2017 Nguyen Thi Anh Vien

KLDH: 57.26 \* 01/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	1:00.86	56.99*	
r:+0.73 27.80	56.99	(29.19)			
2 Nguyen Thuy, Hien	13	Quan Doi	57.72	57.37	
r:+0.71 27.72	57.37	(29.65)			
3 Pham Thi, Van	17	Thanh Hoa	59.51	57.48	
r:+0.67 27.15	57.48	(30.33)			
4 Nguyen Diep, Phuong Tram	21	TP Ho Chi Minh	58.88	58.46	
r:+0.69 27.95	58.46	(30.51)			
5 Vu Thi, Phuong Anh'	14	TP Ho Chi Minh	59.00	59.25	
r:+0.75 28.33	59.25	(30.92)			
6 Dang Ai, My	16	An Giang	1:00.38	1:00.47	
r:+0.67 28.98	1:00.47	(31.49)			
7 Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	1:01.37	1:01.18	
r:+0.88 29.51	1:01.18	(31.67)			
8 Ton Nu, My Ngoc	19	Da Nang	1:02.64	1:02.28	
r:+0.75 30.56	1:02.28	(31.72)			

## Event 104 Women 100 LC Meter Freestyle

KLQG: 55.76 # 8/2017 Nguyen Thi Anh Vien

KLDH: 57.26 \* 01/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Thuy, Hien	13	Quan Doi	59.00	57.72	q
r:+0.63 28.17	57.72	(29.55)			
2 Nguyen Diep, Phuong Tram	21	TP Ho Chi Minh	58.36	58.88	q
r:+0.71 28.35	58.88	(30.53)			

**GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022****Results****Preliminaries ... (Event 104 Women 100 LC Meter Freestyle)**

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
3 Vu Thi, Phuong Anh' r:+0.73 28.33	14	TP Ho Chi Minh	59.73	59.00	q
4 Pham Thi, Van r:+0.72 28.40	17	Thanh Hoa	55.80	59.51	q
5 Dang Ai, My r:+0.62 28.93	16	An Giang	58.80	1:00.38	q
6 Nguyen Thi, Anh Vien r:+0.72 29.77	26	Quan Doi	57.90	1:00.86	q
7 Tran Thi, Hong Gam r:+0.87 29.99	17	Long An	58.80	1:01.37	q
8 Ton Nu, My Ngoc r:+0.79 30.01	19	Da Nang	1:01.00	1:02.64	q
9 Le Thi, Thanh Tuyen r:+0.76 29.60	13	Dong Nai	59.80	1:02.68	
10 Nguyen Thi, Huong Giang r:+0.71 29.80	17	Da Nang	1:01.00	1:02.98	
11 Dinh Thi, Ngoc Diep r:+0.73 30.26	15	Ha Noi	1:03.00	1:04.47	
12 Bui Quynh, Anh r:+0.75 31.39	13	Ha Noi	1:04.00	1:05.54	
13 Hoang Thi, Kieu Mai r:+0.77 31.92	13	Hai Duong	NT	1:06.96	
14 Nguyen Thanh, Thuy r:+0.71 31.22	13	Quang Ninh	1:04.80	1:07.31	
15 Le Thi, Kim Ngan r:+0.78 32.43	11	An Giang	1:04.00	1:07.38	
16 Nguyen Thi, Thanh Thi r:+0.75 32.29	13	Quang Ninh	1:06.40	1:07.89	
17 Pham Hai, Thanh r:+0.74 32.42	13	Thanh Hoa	1:05.00	1:08.02	
18 Nguyen Thi, Lai r:+0.69 32.65	14	Thua Thien Hue	NT	1:11.70	

**Event 105 Men 200 LC Meter Butterfly**

**KLQG: 1:58.81 # 5/2022 Nguyen Huy Hoang Quang Binh**  
**KLDH: 1:59.59 \* 04/12/2018 Hoang Nguyen Huy QBH**

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Ho Nguyen Duy, Khoa r:+0.66 26.87	17	Quan Doi	2:08.79	1:59.61	
2 Nguyen Huy, Hoang r:+0.74 27.29	22	Quang Binh	2:05.13	2:00.33	
3 Nguyen Viet, Tuong r:+0.70 27.74	18	Da Nang	2:05.63	2:00.47	
4 Nguyen Quang, Thuan r:+0.68 27.55	16	Quan Doi	2:07.91	2:00.66	
5 Huynh Ha, Trong Khoi r:+0.66 28.91	17	Ben Tre	2:08.66	2:07.21	
6 Ngo Phuoc, Tan r:+0.72 28.47	21	An Giang	2:10.12	2:07.88	
7 Phuong Duc, Binh r:+0.73 28.03	19	Ha Noi	2:08.37	2:08.83	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## A - Final ... (Event 105 Men 200 LC Meter Butterfly)

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
8 Nguyen Van, Hai	19	Ha Noi	2:10.63	2:10.89	
r:+0.93 27.62	1:00.29 (32.67)	1:34.87 (34.58)	2:10.89 (36.02)		

## Event 105 Men 200 LC Meter Butterfly

KLQG: 1:58.81 # 5/2022 Nguyen Huy Hoang

Quang Binh

KLDH: 1:59.59 \* 04/12/2018 Hoang Nguyen Huy

QBH

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	Points
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Huy, Hoang	22	Quang Binh	1:58.81	2:05.13	q
r:+0.79 28.12	59.75 (31.63)	1:32.48 (32.73)	2:05.13 (32.65)		
2 Nguyen Viet, Tuong	18	Da Nang	2:01.00	2:05.63	q
r:+0.69 28.22	59.97 (31.75)	1:32.64 (32.67)	2:05.63 (32.99)		
3 Nguyen Quang, Thuan	16	Quan Doi	2:02.00	2:07.91	q
r:+0.72 28.29	1:01.13 (32.84)	1:34.23 (33.10)	2:07.91 (33.68)		
4 Bui Gia, Hoang	17	TP Ho Chi Minh	2:04.69	2:08.31	q
r:+0.79 27.82	59.83 (32.01)	1:33.10 (33.27)	2:08.31 (35.21)		
5 Phuong Duc, Binh	19	Ha Noi	2:08.00	2:08.37	q
r:+0.70 28.54	1:00.89 (32.35)	1:34.34 (33.45)	2:08.37 (34.03)		
6 Huynh Ha, Trong Khoi	17	Ben Tre	2:07.00	2:08.66	q
r:+0.68 29.00	1:01.94 (32.94)	1:35.41 (33.47)	2:08.66 (33.25)		
7 Ho Nguyen Duy, Khoa	17	Quan Doi	2:00.00	2:08.79	q
r:+0.74 28.79	1:01.48 (32.69)	1:35.27 (33.79)	2:08.79 (33.52)		
8 Ngo Phuoc, Tan	21	An Giang	2:05.00	2:10.12	q
r:+0.75 28.67	1:01.58 (32.91)	1:36.15 (34.57)	2:10.12 (33.97)		
9 Nguyen Van, Hai	19	Ha Noi	2:07.00	2:10.63	
r:+0.82 28.63	1:01.45 (32.82)	1:35.24 (33.79)	2:10.63 (35.39)		
10 Ngo Minh, Chien	15	Quang Binh	2:22.00	2:13.89	
r:+0.73 29.52	1:03.48 (33.96)	1:38.91 (35.43)	2:13.89 (34.98)		

## Event 106 Women 200 LC Meter Butterfly

KLQG: 2:10.92 # 12/2018 Le Thi My Thao

Binh Phuoc

KLDH: 2:10.92 \* 04/12/2018 My Thao Le T

BPC

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Le Thi, My Thao	26	Binh Phuoc	2:12.14	2:15.18	
r:+0.72 29.88	1:03.55 (33.67)	1:38.89 (35.34)	2:15.18 (36.29)		
2 Vo Thi, My Tien	17	Long An	2:18.00	2:17.67	
r:+0.72 31.05	1:05.49 (34.44)	1:41.41 (35.92)	2:17.67 (36.26)		
3 Le Thi, Thuy Trang	14	Da Nang	2:18.00	2:20.45	
r:+0.69 31.45	1:06.98 (35.53)	1:43.11 (36.13)	2:20.45 (37.34)		
4 Le Nguyen, Nhu Quynh	14	TP Ho Chi Minh	2:27.44	2:27.71	
r:+0.73 32.14	1:08.66 (36.52)	1:47.75 (39.09)	2:27.71 (39.96)		
5 Tran Pham, Tu Minh	13	Dong Nai	2:28.00	2:29.88	
r:+0.78 32.92	1:11.76 (38.84)	1:50.88 (39.12)	2:29.88 (39.00)		
6 Dao Thi, Anh	14	Ha Noi	2:31.00	2:43.31	
r:+0.81 32.24	1:10.68 (38.44)	1:58.23 (47.55)	2:43.31 (45.08)		
7 Nguyen Ngoc, Giang	13	Ha Noi	2:42.00	2:46.95	
r:+0.84 32.91	1:14.00 (41.09)	1:59.95 (45.95)	2:46.95 (47.00)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 107 Mixed 800 LC Meter Freestyle Relay

KLQG: 8:01.81 # 10/2017 Khoi, Jeremie, Tram, Anh TP Ho Chi Minh  
 KLDH: 8:01.81 \* 01/12/2018 TP Ho Chi Minh HCM  
 K Tran Duy, P Vu T, J Luong, P Nguyen D

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Quan Doi	A	NT	8:02.11	
1) Tran Hung, Nguyen M19	2) r:0.52 Nguyen Thi, Anh Vien W3)	r:0.49 Nguyen Thuy, Hien W13	4) r:0.44 Mai Tran Tuan, Anh M16	
r:+0.61 26.72	54.70 (54.70)	1:23.45 (1:23.45)	1:51.95 (1:51.95)	
2:21.73 (29.78)	2:53.65 (1:01.70)	3:27.03 (1:35.08)	3:59.84 (2:07.89)	
4:29.20 (29.36)	5:02.36 (1:02.52)	5:36.33 (1:36.49)	6:08.12 (2:08.28)	
6:34.12 (26.00)	7:02.92 (54.80)	7:32.17 (1:24.05)	8:02.11 (1:53.99)	
2 TP Ho Chi Minh	A	NT	8:07.16	
1) Luong Jeremie, Loic Nino M22	2) r:0.53 Vu Thi, Phuong Anh' W13)	r:0.63 Nguyen Kha, Nhi W14	4) r:0.39 Bui Gia, Hoang M17	
r:+0.62 26.83	55.76 (55.76)	1:25.67 (1:25.67)	1:52.32 (1:52.32)	
2:22.10 (29.78)	2:54.46 (1:02.14)	3:28.09 (1:35.77)	4:02.00 (2:09.68)	
4:30.79 (28.79)	5:03.04 (1:01.04)	5:37.16 (1:35.16)	6:11.04 (2:09.04)	
6:37.00 (25.96)	7:06.12 (55.08)	7:36.91 (1:25.87)	8:07.16 (1:56.12)	
3 Da Nang	A	NT	8:07.77	
1) Nguyen Huu, Kim Son M20	2) r:0.39 Hoang Quy, Phuoc M29	3) r:0.33 Ton Nu, My Ngoc W19	4) r:0.26 Nguyen Thi, Huong Giang	
r:+0.64 26.21	54.44 (54.44)	1:22.52 (1:22.52)	1:50.37 (1:50.37)	
2:16.35 (25.98)	2:44.83 (54.46)	3:13.15 (1:22.78)	3:41.22 (1:50.85)	
4:11.01 (29.79)	4:43.46 (1:02.24)	5:18.05 (1:36.83)	5:54.01 (2:12.79)	
6:25.01 (31.00)	6:59.38 (1:05.37)	7:33.23 (1:39.22)	8:07.77 (2:13.76)	
4 Long An	A	NT	8:09.85	
1) Tran Tan, Trieu M24	2) r:0.44 Huynh Man, Dat M21	3) r:0.61 Tran Thi, Hong Cam W214)	r:0.82 Tran Thi, Hong Gam W17	
r:+0.69 27.10	56.09 (56.09)	1:24.90 (1:24.90)	1:53.75 (1:53.75)	
2:20.77 (27.02)	2:50.69 (56.94)	3:20.59 (1:26.84)	3:50.05 (1:56.30)	
4:19.67 (29.62)	4:53.00 (1:02.95)	5:26.56 (1:36.51)	6:00.00 (2:09.95)	
6:29.50 (29.50)	7:02.47 (1:02.47)	7:36.25 (1:36.25)	8:09.85 (2:09.85)	
5 Ha Noi	A	NT	9:03.16	
1) Le Manh, Cuong M16	2) r:0.40 Nguyen Huu, Duc M15	3) r:0.54 Dinh Thi, Ngoc Diep W14)	r:0.59 Bui Quynh, Anh W13	
r:+0.78 28.19	59.83 (59.83)	1:33.06 (1:33.06)	2:06.01 (2:06.01)	
2:34.01 (28.00)	3:06.38 (1:00.37)	3:40.14 (1:34.13)	4:12.65 (2:06.64)	
4:44.42 (31.77)	5:20.20 (1:07.55)	5:57.83 (1:45.18)	6:34.48 (2:21.83)	
7:07.78 (33.30)	7:45.64 (1:11.16)	8:25.67 (1:51.19)	9:03.16 (2:28.68)	

## Event 208 Men 50 LC Meter Freestyle

KLQG: 22.85 # 5/2022 Luong Jeremie Loic Nino TP Ho Chi Minh  
 KLDH: 23.01 \* 02/12/2018 Paul Le Nguyen AGG

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Luong Jeremie, Loic Nino	22	TP Ho Chi Minh	23.23	22.68#	
r:+0.60					
2 Hoang Quy, Phuoc	29	Da Nang	23.77	23.07	
r:+0.64					
3 Le Nguyen, Paul	30	An Giang	24.62	23.23	
r:+0.65					
4 Nguyen Hoang, Khang	19	Vinh Long	23.85	23.42	
r:+0.61					
5 Tran Hung, Nguyen	19	Quan Doi	24.33	23.65	
r:+0.64					
6 Ngo Dinh, Chuyen	21	Quang Ninh	24.42	23.81	
r:+0.60					
7 Nguyen Viet, Tuong	18	Da Nang	24.50	24.16	
r:+0.63					

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## A - Final ... (Event 208 Men 50 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
8 Vo Tri, Trung r:+0.67	18	An Giang	24.77	24.20	

## Event 208 Men 50 LC Meter Freestyle

KLQG: 22.85 # 5/2022

Luong Jeremie Loic Nino

TP Ho Chi Minh

KLDH: 23.01 \* 02/12/2018

Paul Le Nguyen

AGG

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.61	22	TP Ho Chi Minh	22.85	23.23	q
2 Hoang Quy, Phuoc r:+0.67	29	Da Nang	23.80	23.77	q
3 Nguyen Hoang, Khang r:+0.66	19	Vinh Long	23.80	23.85	q
4 Tran Hung, Nguyen r:+0.63	19	Quan Doi	23.50	24.33	q
5 Ngo Dinh, Chuyen r:+0.61	21	Quang Ninh	24.18	24.42	q
6 Nguyen Viet, Tuong r:+0.66	18	Da Nang	24.00	24.50	q
7 Le Nguyen, Paul r:+0.62	30	An Giang	22.80	24.62	q
8 Vo Tri, Trung r:+0.66	18	An Giang	24.10	24.77	q
9 Do Ngoc, Vinh r:+0.64	18	Ha Noi	23.50	24.98	
10 Vo Dinh, Phi r:+0.73	17	Hai Phong	24.00	24.99	
11 Nong Nguyen, Phuong Nam r:+0.68	16	Binh Phuoc	25.34	25.05	
12 Do Thanh, Thuan r:+0.67	21	Binh Duong	25.70	25.16	
13 Mai Duc, Hieu r:+0.73	12	Quan Doi	25.55	25.94	
14 Nguyen Huu, Duc r:+0.63	15	Ha Noi	25.00	25.96	
15 Tran Tan, Trieu r:+0.63	24	Long An	24.50	26.60	
16 Le Nhat, Quang r:+0.67	15	Hai Phong	27.00	26.76	
17 Ho Phuoc, Tai r:+0.79	17	Vinh Long	25.00	26.91	
18 Nguyen Van, An r:+0.71	18	Hai Duong	NT	26.95	
19 Pham Tuan, Anh r:+0.74	14	Thua Thien Hue	NT	28.68	
20 Trinh Dinh, Hieu r:+0.71	13	Binh Duong	28.80	29.67	
21 Mai Viet, Tien r:+0.82	12	Hai Duong	NT	35.03	



## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 209 Women 50 LC Meter Freestyle

KLQG: 26.15 # 8/2017 Nguyen Thi Anh Vien  
 KLDH: 26.59 \* 12/2022 Nguyen Thi Hien

Quan Doi  
 Quan Doi

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
*1 Nguyen Thuy, Hien r:+0.63	13	Quan Doi	26.59	26.20*	
*1 Pham Thi, Van r:+0.68	17	Thanh Hoa	26.65	26.20*	
3 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.67	21	TP Ho Chi Minh	27.22	26.72	
4 Vu Thi, Phuong Anh' r:+0.76	14	TP Ho Chi Minh	27.70	27.13	
5 Le Thi, Thien Kim r:+0.73	23	Long An	27.91	27.56	
6 Le Quynh, Nhu r:+0.73	14	Dong Nai	28.33	27.82	
7 Tran Ha, Trang r:+0.75	21	Hai Phong	28.67	28.16	
8 Tran Thi, Hong Gam r:+0.87	17	Long An	28.52	28.32	

## Event 209 Women 50 LC Meter Freestyle

KLQG: 26.15 # 8/2017 Nguyen Thi Anh Vien  
 KLDH: 26.59 \* 12/2022 Nguyen Thi Hien

Quan Doi  
 Quan Doi

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Thuy, Hien r:+0.68	13	Quan Doi	26.00	26.59*	q
2 Pham Thi, Van r:+0.69	17	Thanh Hoa	25.50	26.65	q
3 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.71	21	TP Ho Chi Minh	26.86	27.22	q
4 Vu Thi, Phuong Anh' r:+0.74	14	TP Ho Chi Minh	27.41	27.70	q
5 Le Thi, Thien Kim r:+0.72	23	Long An	27.25	27.91	q
6 Le Quynh, Nhu r:+0.83	14	Dong Nai	27.00	28.33	q
7 Tran Thi, Hong Gam r:+0.84	17	Long An	27.10	28.52	q
8 Tran Ha, Trang r:+0.77	21	Hai Phong	29.00	28.67	q
9 Le Thi, Thanh Tuyen r:+0.71	13	Dong Nai	27.50	28.71	
10 Le Thi, Nhu Quynh r:+0.71	17	Da Nang	28.00	28.88	
11 Nguyen Thi, Huong Giang r:+0.65	17	Da Nang	28.00	29.11	
12 Dinh Thi, Ngoc Diep r:+0.73	15	Ha Noi	28.00	29.51	
13 Nguyen Thi, Yen Nhi r:+0.73	13	Hai Phong	NT	29.62	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 209 Women 50 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
14 Nguyen Thi, Anh Vien r:+0.75	26	Quan Doi	25.00	30.30
15 Pham Hai, Thanh r:+0.70	13	Thanh Hoa	28.00	30.47
16 Nguyen Thanh, Thuy r:+0.76	13	Quang Ninh	29.80	30.49
17 Le Thi, Kim Ngan r:+0.53	11	An Giang	30.00	30.61
18 Nguyen Thu, Thao r:+0.68	16	Ha Noi	29.00	30.84
19 Hoang Thi, Kieu Mai r:+0.91	13	Hai Duong	NT	31.56
20 Nguyen Thi, Lai r:+0.67	14	Thua Thien Hue	NT	32.24

## Event 210 Men 100 LC Meter Breaststroke

KLQG: 1:01.17 # 5/2022 Pham Thanh Bao  
 KLDH: 1:02.42 \* 02/12/2018 Bao Pham Thanh

Ben Tre  
 BTE

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Pham Thanh, Bao r:+0.66 29.42	21	Ben Tre	1:04.44	1:01.76*	
2 Le Thanh, Duoc r:+0.66 30.30	18	Quan Doi	1:05.15	1:04.50	
3 Tran Duy, Khoi r:+0.66 30.29	25	TP Ho Chi Minh	1:06.13	1:04.61	
4 Bui Sy, Nhat r:+0.70 30.55	15	TP Ho Chi Minh	1:06.65	1:05.16	
5 Nguyen Van, Thang r:+0.72 30.94	22	Ha Noi	1:06.68	1:05.37	
6 Le Trong, Phuc r:+0.63 30.75	17	An Giang	1:06.50	1:05.73	
7 Ta Minh, Hieu r:+0.63 30.34	17	Hai Phong	1:07.06	1:05.88	
8 Tran Dinh, Tau r:+0.75 30.80	20	Da Nang	1:07.19	1:06.82	

## Event 210 Men 100 LC Meter Breaststroke

KLQG: 1:01.17 # 5/2022 Pham Thanh Bao  
 KLDH: 1:02.42 \* 02/12/2018 Bao Pham Thanh

Ben Tre  
 BTE

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Pham Thanh, Bao r:+0.66 30.81	21	Ben Tre	1:01.00	1:04.44	q
2 Le Thanh, Duoc r:+0.71 30.78	18	Quan Doi	1:05.00	1:05.15	q
3 Tran Duy, Khoi r:+0.68 30.69	25	TP Ho Chi Minh	1:05.43	1:06.13	q
4 Le Trong, Phuc r:+0.64 31.29	17	An Giang	1:05.10	1:06.50	q
5 Bui Sy, Nhat r:+0.69 31.44	15	TP Ho Chi Minh	1:05.46	1:06.65	q
6 Nguyen Van, Thang r:+0.72 31.58	22	Ha Noi	1:03.00	1:06.68	q

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 210 Men 100 LC Meter Breaststroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
7 Ta Minh, Hieu	17	Hai Phong	1:04.90	1:07.06	q
r:+0.63 31.19				1:07.06 (35.87)	
8 Tran Dinh, Tau	20	Da Nang	1:06.00	1:07.19	q
r:+0.75 31.87				1:07.19 (35.32)	
9 Cao Chi, Hieu	18	Dong Nai	1:05.00	1:07.23	
r:+0.76 31.75				1:07.23 (35.48)	
10 Vo Minh, Hieu	16	Dong Nai	1:06.00	1:10.29	
r:+0.71 33.16				1:10.29 (37.13)	
11 Le Manh, Cuong	16	Ha Noi	1:09.00	1:11.84	
r:+0.78 33.52				1:11.84 (38.32)	
12 Tran Sy, Dai	16	Binh Duong	1:18.73	1:13.52	
r:+0.76 33.52				1:13.52 (40.00)	
13 Ta Viet, Anh	14	Quan Doi	1:10.00	1:15.03	
r:+0.81 35.33				1:15.03 (39.70)	
14 Nguyen Huu, Kim Son	20	Da Nang	1:03.00	1:17.58	
r:+0.64 36.18				1:17.58 (41.40)	

## Event 211 Women 100 LC Meter Breaststroke

KLQG: 1:10.64 # 12/2010 Pham Thi hue  
 KLDH: 1:10.64 \* 12/2010 Pham Thi Hue

Quang Binh  
 Quang Binh

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Vu Thi, Phuong Anh	21	TP Ho Chi Minh	1:16.62	1:13.34	
r:+0.72 34.72				1:13.34 (38.62)	
2 Nguyen Ngoc, Anh Thu	15	Quang Binh	1:16.07	1:14.28	
r:+0.77 35.07				1:14.28 (39.21)	
3 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	1:18.42	1:15.04	
r:+0.75 35.57				1:15.04 (39.47)	
4 Le Thi Hong, Dieu	14	Quan Doi	1:17.18	1:16.28	
r:+0.86 36.08				1:16.28 (40.20)	
5 Le Thi, Nhu Quynh	17	Da Nang	1:20.51	1:16.97	
r:+0.74 35.47				1:16.97 (41.50)	
6 Ha Thi, Kieu My	14	An Giang	1:18.84	1:17.85	
r:+0.77 36.37				1:17.85 (41.48)	
7 Nguyen Thi, Yen Nhi	13	Hai Phong	1:19.08	1:18.14	
r:+0.76 36.86				1:18.14 (41.28)	
8 Tran Thi, Hue Man	12	TP Ho Chi Minh	1:20.53	1:19.09	
r:+0.59 37.12				1:19.09 (41.97)	

## Event 211 Women 100 LC Meter Breaststroke

KLQG: 1:10.64 # 12/2010 Pham Thi hue  
 KLDH: 1:10.64 \* 12/2010 Pham Thi Hue

Quang Binh  
 Quang Binh

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Ngoc, Anh Thu	15	Quang Binh	1:12.50	1:16.07	q
r:+0.74 35.71				1:16.07 (40.36)	
2 Vu Thi, Phuong Anh	21	TP Ho Chi Minh	1:14.75	1:16.62	q
r:+0.75 35.96				1:16.62 (40.66)	
3 Le Thi Hong, Dieu	14	Quan Doi	1:15.00	1:17.18	q
r:+0.95 36.77				1:17.18 (40.41)	
4 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	1:10.00	1:18.42	q
r:+0.74 37.49				1:18.42 (40.93)	



## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## (Event 212 Men 1500 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
3 Mai Tran Tuan, Anh	16	Quan Doi	15:20.30	15:31.08	
r:+0.65 29.32	1:00.28 (30.96)	1:31.03 (30.75)	2:01.77 (30.74)		
2:32.56 (30.79)	3:03.19 (30.63)	3:33.92 (30.73)	4:04.68 (30.76)		
4:35.49 (30.81)	5:06.45 (30.96)	5:37.10 (30.65)	6:07.87 (30.77)		
6:38.79 (30.92)	7:09.70 (30.91)	7:40.62 (30.92)	8:11.91 (31.29)		
8:43.71 (31.80)	9:15.70 (31.99)	9:47.96 (32.26)	10:21.01 (33.05)		
10:52.72 (31.71)	11:23.83 (31.11)	11:54.84 (31.01)	12:25.93 (31.09)		
12:56.63 (30.70)	13:27.48 (30.85)	13:58.16 (30.68)	14:29.02 (30.86)		
14:59.72 (30.70)	15:31.08 (31.36)				
4 Nguyen Quang, Thuan	16	Quan Doi	15:30.00	15:39.11	
r:+0.71 29.98	1:01.09 (31.11)	1:31.80 (30.71)	2:02.71 (30.91)		
2:33.28 (30.57)	3:04.09 (30.81)	3:34.50 (30.41)	4:05.26 (30.76)		
4:35.79 (30.53)	5:06.45 (30.66)	5:37.06 (30.61)	6:07.83 (30.77)		
6:38.52 (30.69)	7:09.45 (30.93)	7:40.15 (30.70)	8:10.89 (30.74)		
8:41.56 (30.67)	9:12.45 (30.89)	9:43.56 (31.11)	10:15.14 (31.58)		
10:47.06 (31.92)	11:19.23 (32.17)	11:51.05 (31.82)	12:22.98 (31.93)		
12:54.31 (31.33)	13:26.22 (31.91)	13:57.43 (31.21)	14:30.08 (32.65)		
15:04.67 (34.59)	15:39.11 (34.44)				
5 Do Ngoc, Vinh	18	Ha Noi	15:40.00	15:45.27	
r:+0.62 28.68	1:00.85 (32.17)	1:33.14 (32.29)	2:04.68 (31.54)		
2:36.52 (31.84)	3:07.99 (31.47)	3:39.64 (31.65)	4:11.07 (31.43)		
4:42.75 (31.68)	5:14.27 (31.52)	5:44.80 (30.53)	6:15.94 (31.14)		
6:47.17 (31.23)	7:18.44 (31.27)	7:49.54 (31.10)	8:20.64 (31.10)		
8:51.98 (31.34)	9:23.32 (31.34)	9:54.71 (31.39)	10:26.17 (31.46)		
10:57.79 (31.62)	11:29.53 (31.74)	12:01.58 (32.05)	12:33.46 (31.88)		
13:05.59 (32.13)	13:38.03 (32.44)	14:10.35 (32.32)	14:42.56 (32.21)		
15:14.65 (32.09)	15:45.27 (30.62)				
6 Le Do, Gia Khang	17	TP Ho Chi Minh	16:28.00	16:12.62	
r:+0.78 29.18	1:00.72 (31.54)	1:32.99 (32.27)	2:05.30 (32.31)		
2:37.39 (32.09)	3:09.39 (32.00)	3:41.59 (32.20)	4:13.66 (32.07)		
4:45.70 (32.04)	5:17.49 (31.79)	5:49.45 (31.96)	6:21.30 (31.85)		
6:53.54 (32.24)	7:25.56 (32.02)	7:57.98 (32.42)	8:30.32 (32.34)		
9:03.19 (32.87)	9:35.51 (32.32)	10:08.19 (32.68)	10:40.67 (32.48)		
11:13.42 (32.75)	11:45.92 (32.50)	12:19.21 (33.29)	12:52.36 (33.15)		
13:25.98 (33.62)	13:59.30 (33.32)	14:32.53 (33.23)	15:06.91 (34.38)		
15:40.95 (34.04)	16:12.62 (31.67)				
7 Nguyen Hoang, Dang	14	An Giang	16:19.00	16:26.78	
r:+0.72 30.46	1:02.90 (32.44)	1:35.24 (32.34)	2:07.46 (32.22)		
2:39.98 (32.52)	3:12.70 (32.72)	3:45.44 (32.74)	4:18.25 (32.81)		
4:51.16 (32.91)	5:24.19 (33.03)	5:57.37 (33.18)	6:30.47 (33.10)		
7:03.94 (33.47)	7:36.94 (33.00)	8:09.99 (33.05)	8:43.24 (33.25)		
9:16.50 (33.26)	9:49.49 (32.99)	10:22.84 (33.35)	10:56.11 (33.27)		
11:29.33 (33.22)	12:02.55 (33.22)	12:35.83 (33.28)	13:09.11 (33.28)		
13:42.59 (33.48)	14:15.91 (33.32)	14:48.90 (32.99)	15:21.79 (32.89)		
15:54.66 (32.87)	16:26.78 (32.12)				
8 Do Tran, An	14	TP Ho Chi Minh	16:50.00	16:40.82	
r:+0.75 30.09	1:02.76 (32.67)	1:35.63 (32.87)	2:09.10 (33.47)		
2:42.84 (33.74)	3:16.11 (33.27)	3:49.43 (33.32)	4:23.11 (33.68)		
4:56.67 (33.56)	5:30.02 (33.35)	6:03.40 (33.38)	6:36.66 (33.26)		
7:09.99 (33.33)	7:43.05 (33.06)	8:16.25 (33.20)	8:49.51 (33.26)		
9:22.77 (33.26)	9:56.16 (33.39)	10:29.74 (33.58)	11:03.09 (33.35)		
11:36.96 (33.87)	12:10.64 (33.68)	12:44.71 (34.07)	13:18.22 (33.51)		
13:52.14 (33.92)	14:26.18 (34.04)	15:00.04 (33.86)	15:34.21 (34.17)		
16:07.86 (33.65)	16:40.82 (32.96)				

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

**(Event 212 Men 1500 LC Meter Freestyle)**

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
9 Ngo Minh, Chien	15	Quang Binh	16:55.00	17:06.78	
r:+0.80 30.79	1:04.51 (33.72)	1:38.05 (33.54)	2:11.74 (33.69)		
2:45.25 (33.51)	3:18.99 (33.74)	3:52.85 (33.86)	4:26.66 (33.81)		
5:00.55 (33.89)	5:34.78 (34.23)	6:09.15 (34.37)	6:43.64 (34.49)		
7:18.01 (34.37)	7:52.41 (34.40)	8:26.67 (34.26)	9:01.34 (34.67)		
9:35.83 (34.49)	10:10.40 (34.57)	10:44.97 (34.57)	11:19.46 (34.49)		
11:53.97 (34.51)	12:28.58 (34.61)	13:03.17 (34.59)	13:38.15 (34.98)		
14:13.02 (34.87)	14:47.94 (34.92)	15:22.82 (34.88)	15:57.82 (35.00)		
16:32.58 (34.76)	17:06.78 (34.20)				

**Event 213 Women 400 LC Meter Freestyle**

KLOG: 4:07.96 # 6/2016 Nguyen Thi Anh Vien Quan Doi

KLDH: 4:21.34 \* 12/2014 Nguyen Thi Anh Vien Quan Doi

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	4:33.58	4:22.14	
r:+0.76 29.62	1:01.90 (32.28)	1:34.77 (32.87)	2:07.71 (32.94)		
2:41.11 (33.40)	3:15.11 (34.00)	3:49.43 (34.32)	4:22.14 (32.71)		
2 Vo Thi, My Tien	17	Long An	4:29.30	4:22.91	
r:+0.74 30.00	1:02.14 (32.14)	1:35.16 (33.02)	2:08.30 (33.14)		
2:41.83 (33.53)	3:16.23 (34.40)	3:50.35 (34.12)	4:22.91 (32.56)		
3 Le Thi, My Thao	26	Binh Phuoc	4:34.73	4:27.92	
r:+0.80 31.40	1:03.93 (32.53)	1:37.85 (33.92)	2:11.95 (34.10)		
2:46.59 (34.64)	3:21.10 (34.51)	3:55.51 (34.41)	4:27.92 (32.41)		
4 Le Thu, Thuy	15	Dong Nai	4:33.48	4:28.74	
r:+0.86 31.26	1:04.88 (33.62)	1:38.83 (33.95)	2:13.78 (34.95)		
2:48.33 (34.55)	3:23.15 (34.82)	3:56.32 (33.17)	4:28.74 (32.42)		
5 Nguyen Kha, Nhi	14	TP Ho Chi Minh	4:32.18	4:33.95	
r:+0.83 29.34	1:02.13 (32.79)	1:36.45 (34.32)	2:11.79 (35.34)		
2:47.66 (35.87)	3:23.23 (35.57)	3:59.02 (35.79)	4:33.95 (34.93)		
6 Dang Ai, My	16	An Giang	4:35.27	4:34.92	
r:+0.65 30.49	1:03.59 (33.10)	1:37.59 (34.00)	2:12.44 (34.85)		
2:47.68 (35.24)	3:23.75 (36.07)	3:59.59 (35.84)	4:34.92 (35.33)		
7 Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	4:41.75	4:38.09	
r:+0.99 31.22	1:04.75 (33.53)	1:39.44 (34.69)	2:14.52 (35.08)		
2:50.08 (35.56)	3:26.13 (36.05)	4:02.42 (36.29)	4:38.09 (35.67)		
8 Tran Pham, Tu Minh	13	Dong Nai	4:40.88	4:44.37	
r:+0.74 31.56	1:05.98 (34.42)	1:41.54 (35.56)	2:18.36 (36.82)		
2:54.94 (36.58)	3:31.95 (37.01)	4:08.89 (36.94)	4:44.37 (35.48)		

**Event 213 Women 400 LC Meter Freestyle**

KLOG: 4:07.96 # 6/2016 Nguyen Thi Anh Vien Quan Doi

KLDH: 4:21.34 \* 12/2014 Nguyen Thi Anh Vien Quan Doi

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	Points
<b>Preliminaries</b>					
1 Vo Thi, My Tien	17	Long An	4:16.00	4:29.30	q
r:+0.74 31.28	1:05.05 (33.77)	1:38.66 (33.61)	2:12.65 (33.99)		
2:46.71 (34.06)	3:20.97 (34.26)	3:55.30 (34.33)	4:29.30 (34.00)		
2 Nguyen Kha, Nhi	14	TP Ho Chi Minh	4:32.21	4:32.18	q
r:+0.85 31.44	1:05.43 (33.99)	1:40.03 (34.60)	2:15.32 (35.29)		
2:49.70 (34.38)	3:24.17 (34.47)	3:58.99 (34.82)	4:32.18 (33.19)		
3 Le Thu, Thuy	15	Dong Nai	4:30.00	4:33.48	q
r:+0.82 32.00	1:06.03 (34.03)	1:40.28 (34.25)	2:15.40 (35.12)		
2:50.67 (35.27)	3:25.81 (35.14)	3:59.90 (34.09)	4:33.48 (33.58)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 213 Women 400 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
4 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	4:12.00	4:33.58	q
r:+0.78 31.74	1:06.10 (34.36)	1:40.88 (34.78)	2:15.75 (34.87)		
2:50.80 (35.05)	3:25.33 (34.53)	3:59.51 (34.18)	4:33.58 (34.07)		
5 Le Thi, My Thao	26	Binh Phuoc	4:25.77	4:34.73	q
r:+0.73 32.39	1:06.76 (34.37)	1:41.64 (34.88)	2:16.86 (35.22)		
2:51.29 (34.43)	3:26.06 (34.77)	4:00.56 (34.50)	4:34.73 (34.17)		
6 Dang Ai, My	16	An Giang	4:28.00	4:35.27	q
r:+0.69 31.82	1:07.07 (35.25)	1:41.77 (34.70)	2:16.76 (34.99)		
2:51.18 (34.42)	3:26.32 (35.14)	4:00.99 (34.67)	4:35.27 (34.28)		
7 Tran Pham, Tu Minh	13	Dong Nai	4:34.00	4:40.88	q
r:+0.80 32.81	1:08.28 (35.47)	1:44.66 (36.38)	2:20.12 (35.46)		
2:56.60 (36.48)	3:32.02 (35.42)	4:07.91 (35.89)	4:40.88 (32.97)		
8 Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	4:28.00	4:41.75	q
r:+0.99 32.22	1:06.89 (34.67)	1:42.22 (35.33)	2:17.90 (35.68)		
2:54.20 (36.30)	3:30.59 (36.39)	4:06.57 (35.98)	4:41.75 (35.18)		
9 Vu Thi, Phuong Anh'	14	TP Ho Chi Minh	4:40.00	4:47.07	
r:+0.76 32.57	1:08.03 (35.46)	1:43.98 (35.95)	2:20.13 (36.15)		
2:56.34 (36.21)	3:33.52 (37.18)	4:10.11 (36.59)	4:47.07 (36.96)		
10 Truong Thanh, Truc	11	Quan Doi	5:00.00	5:05.08	
r:+0.66 32.72	1:09.78 (37.06)	1:49.30 (39.52)	2:28.40 (39.10)		
3:07.98 (39.58)	3:47.21 (39.23)	4:26.28 (39.07)	5:05.08 (38.80)		
11 Dinh Thi, Ngoc Diep	15	Ha Noi	4:50.00	5:09.57	
r:+0.82 34.33	1:12.41 (38.08)	1:51.14 (38.73)	2:30.63 (39.49)		
3:10.30 (39.67)	3:50.43 (40.13)	4:30.52 (40.09)	5:09.57 (39.05)		
12 Nguyen Thi, Thanh Thi	13	Quang Ninh	5:08.00	5:16.97	
r:+0.77 34.56	1:12.47 (37.91)	1:52.47 (40.00)	2:33.36 (40.89)		
3:14.68 (41.32)	3:56.35 (41.67)	4:37.05 (40.70)	5:16.97 (39.92)		
13 Nguyen Thanh, Thuy	13	Quang Ninh	5:04.00	5:17.76	
r:+0.77 33.71	1:11.18 (37.47)	1:51.14 (39.96)	2:32.19 (41.05)		
3:14.47 (42.28)	3:56.03 (41.56)	4:38.09 (42.06)	5:17.76 (39.67)		
14 Pham Thi, Thuy Tien	13	Hai Duong	NT	6:01.81	
r:+0.95 37.01	1:19.60 (42.59)	2:05.75 (46.15)	2:53.44 (47.69)		
3:41.05 (47.61)	4:28.92 (47.87)	5:15.78 (46.86)	6:01.81 (46.03)		

## Event 214 Mixed 400 LC Meter Freestyle Relay

**KLQG: 3:39.30 # 12/2018 Khoi, Jeremie, Tram, Anh TP Ho Chi Minh**  
**KLDH: 3:39.30 \* 02/12/2018 TP Ho Chi Minh HCM**

**J Luong, K Tran Duy, P Vu T, P Nguyen D**

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Quan Doi	A	NT	3:39.04#	
1) Tran Hung, Nguyen M19	2) r:0.41 Nguyen Thuy, Hien W13	3) r:0.35 Nguyen Quang, Thuan M4	r:0.55 Nguyen Thi, Anh Vien W	
r:+0.65 24.50	50.94 (50.94)	1:18.24 (27.30)	1:47.87 (56.93)	
2:12.95 (25.08)	2:40.15 (52.28)	3:08.56 (28.41)	3:39.04 (58.89)	
2 TP Ho Chi Minh	A	NT	3:39.26#	
1) Bui Gia, Hoang M17	2) r:0.45 Nguyen Diep, Phuong Tra3	r:0.53 Vu Thi, Phuong Anh W214	r:0.45 Luong Jeremie, Loic Ninc	
r:+0.69 25.30	52.61 (52.61)	1:20.76 (28.15)	1:50.95 (58.34)	
2:19.03 (28.08)	2:49.97 (59.02)	3:13.70 (23.73)	3:39.26 (49.29)	
3 Da Nang	A	NT	3:45.31	
1) Nguyen Viet, Tuong M18	2) r:0.19 Ton Nu, My Ngoc W19	3) r:0.49 Le Thi, Thuy Trang W14	4) r:0.41 Hoang Quy, Phuoc M29	
r:+0.66 25.13	51.68 (51.68)	1:20.78 (29.10)	1:53.05 (1:01.37)	
2:21.88 (28.83)	2:53.96 (1:00.91)	3:18.03 (24.07)	3:45.31 (51.35)	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

**(Event 214 Mixed 400 LC Meter Freestyle Relay)**

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
4 Long An	A	NT	3:57.56	
1) Le Thanh, Danh M14	2) r:0.47 Le Thi, Thien Kim W23	3) r:0.96 Tran Thi, Hong Gam W174	r:0.45 Huynh Man, Dat M21	
r:+0.68 26.31	55.01 (55.01)	1:24.13 (29.12)	1:55.83 (1:00.82)	
2:25.41 (29.58)	2:56.25 (1:00.42)	3:24.15 (27.90)	3:57.56 (1:01.31)	
5 Ha Noi	A	NT	4:07.77	
1) Nguyen Huu, Duc M15	2) r:0.65 Bui Quynh, Anh W13	3) r:0.52 Le Manh, Cuong M16	4) r:0.60 Dinh Thi, Ngoc Diep W1:	
r:+0.69 27.35	57.16 (57.16)	1:28.58 (31.42)	2:03.82 (1:06.66)	
2:31.76 (27.94)	3:01.97 (58.15)	3:32.56 (30.59)	4:07.77 (1:05.80)	

**Event 315 Men 100 LC Meter Butterfly**

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Hoang Quy, Phuoc	29	Da Nang	56.13	53.96	
r:+0.65 25.19	53.96 (28.77)				
2 Nguyen Viet, Tuong	18	Da Nang	56.74	54.81	
r:+0.67 25.69	54.81 (29.12)				
3 Ho Nguyen Duy, Khoa	17	Quan Doi	55.83	55.73	
r:+0.64 25.90	55.73 (29.83)				
4 Huynh Man, Dat	21	Long An	57.32	57.15	
r:+0.67 26.57	57.15 (30.58)				
5 Nguyen Van, Hai	19	Ha Noi	57.50	57.43	
r:+0.78 26.53	57.43 (30.90)				
6 Bui Gia, Hoang	17	TP Ho Chi Minh	57.41	57.46	
r:+0.69 26.21	57.46 (31.25)				
7 Phuong Duc, Binh	19	Ha Noi	57.96	58.18	
r:+0.73 27.23	58.18 (30.95)				
8 Huynh Ha, Trong Khoi	17	Ben Tre	59.75	58.98	
r:+0.66 27.53	58.98 (31.45)				

**Event 315 Men 100 LC Meter Butterfly**

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	Points
<b>Preliminaries</b>					
1 Ho Nguyen Duy, Khoa	17	Quan Doi	54.00	55.83	q
r:+0.66 26.24	55.83 (29.59)				
2 Hoang Quy, Phuoc	29	Da Nang	53.80	56.13	q
r:+0.66 25.88	56.13 (30.25)				
3 Nguyen Viet, Tuong	18	Da Nang	55.30	56.74	q
r:+0.67 26.53	56.74 (30.21)				
4 Huynh Man, Dat	21	Long An	56.00	57.32	q
r:+0.67 26.89	57.32 (30.43)				
5 Bui Gia, Hoang	17	TP Ho Chi Minh	57.00	57.41	q
r:+0.72 27.01	57.41 (30.40)				
6 Nguyen Van, Hai	19	Ha Noi	56.00	57.50	q
r:+0.79 26.36	57.50 (31.14)				
7 Luong Jeremie, Loic Nino	22	TP Ho Chi Minh	54.80	57.81	q
r:+0.63 26.15	57.81 (31.66)				
8 Phuong Duc, Binh	19	Ha Noi	56.50	57.96	q
r:+0.67 26.97	57.96 (30.99)				



## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 315 Men 100 LC Meter Butterfly)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
9 Huynh Ha, Trong Khoi	17	Ben Tre	57.00	59.75
	r:+0.67	27.92	59.75	(31.83)
10 Nong Nguyen, Phuong Nam	16	Binh Phuoc	59.01	1:00.65
	r:+0.68	28.17	1:00.65	(32.48)
11 Le Nguyen, Khang	16	Quan Doi	1:00.00	1:01.31
	r:+0.80	28.70	1:01.31	(32.61)
12 Le Nhat, Quang	15	Hai Phong	59.00	1:05.23
	r:+0.68	30.03	1:05.23	(35.20)
13 Do Chien, Thang	21	Hai Phong	58.00	1:07.22
	r:+0.80	29.41	1:07.22	(37.81)
14 Nguyen Hoang, Khang	19	Vinh Long	55.00	1:14.55
	r:+0.66	33.32	1:14.55	(41.23)

## Event 316 Women 100 LC Meter Butterfly

KLQG: 1:00.69 # 6/2014 Nguyen Thi Anh Vien

KLDH: 1:00.80 \* 03/12/2018 My Thao Le T

Quan Doi

BPC

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Le Thi, My Thao	26	Binh Phuoc	1:08.08	1:01.67	
	r:+0.73	28.90	1:01.67	(32.77)	
2 Pham Thi, Van	17	Thanh Hoa	1:07.10	1:02.87	
	r:+0.70	29.20	1:02.87	(33.67)	
3 Nguyen Thi, Nhat Lam	19	Vinh Long	1:09.31	1:03.58	
	r:+0.74	30.00	1:03.58	(33.58)	
4 Nguyen Kha, Nhi	14	TP Ho Chi Minh	1:08.80	1:03.92	
	r:+0.86	29.63	1:03.92	(34.29)	
5 Le Thi, Thuy Trang	14	Da Nang	1:08.11	1:04.59	
	r:+0.69	30.38	1:04.59	(34.21)	
6 Ton Nu, My Ngoc	19	Da Nang	1:08.63	1:05.28	
	r:+0.74	30.53	1:05.28	(34.75)	
7 Nguyen Thi, Dieu Linh	25	Quan Doi	1:09.51	1:06.67	
	r:+0.75	31.21	1:06.67	(35.46)	
8 Dao Thi, Anh	14	Ha Noi	1:09.60	1:09.86	
	r:+0.81	31.99	1:09.86	(37.87)	

## Event 316 Women 100 LC Meter Butterfly

KLQG: 1:00.69 # 6/2014 Nguyen Thi Anh Vien

KLDH: 1:00.80 \* 03/12/2018 My Thao Le T

Quan Doi

BPC

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Pham Thi, Van	17	Thanh Hoa	1:01.00	1:07.10	q
	r:+0.73	30.56	1:07.10	(36.54)	
2 Le Thi, My Thao	26	Binh Phuoc	1:00.36	1:08.08	q
	r:+0.74	31.03	1:08.08	(37.05)	
3 Le Thi, Thuy Trang	14	Da Nang	1:03.00	1:08.11	q
	r:+0.70	31.66	1:08.11	(36.45)	
4 Ton Nu, My Ngoc	19	Da Nang	1:04.00	1:08.63	q
	r:+0.74	31.93	1:08.63	(36.70)	
5 Nguyen Kha, Nhi	14	TP Ho Chi Minh	1:04.70	1:08.80	q
	r:+0.87	31.39	1:08.80	(37.41)	
6 Nguyen Thi, Nhat Lam	19	Vinh Long	1:02.00	1:09.31	q
	r:+0.80	31.27	1:09.31	(38.04)	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 316 Women 100 LC Meter Butterfly)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
7 Nguyen Thi, Dieu Linh	25	Quan Doi	1:06.00	1:09.51	q
r:+0.70 32.70	1:09.51 (36.81)				
8 Dao Thi, Anh	14	Ha Noi	1:08.00	1:09.60	q
r:+0.78 32.20	1:09.60 (37.40)				
9 Nguyen Diep, Phuong Tram	21	TP Ho Chi Minh	1:03.40	1:11.76	
r:+0.74 32.67	1:11.76 (39.09)				
10 Pham Hai, Thanh	13	Thanh Hoa	1:08.00	1:12.33	
r:+0.75 33.52	1:12.33 (38.81)				
11 Bui Quynh, Anh	13	Ha Noi	1:12.00	1:15.83	
r:+0.75 34.18	1:15.83 (41.65)				
12 Hoang Thi, Kieu Mai	13	Hai Duong	NT	1:15.93	
r:+0.74 34.25	1:15.93 (41.68)				

## Event 317 Men 100 LC Meter Backstroke

KLQG: 54.98 # 12/2019 Le Nguyen Paul

KLDH: 55.49 \* 03/12/2018 Khoi Tran Duy

An Giang  
HCM

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Le Nguyen, Paul	30	An Giang	1:01.00	56.39	
r:+0.55 26.91	56.39 (29.48)				
2 Tran Duy, Khoi	25	TP Ho Chi Minh	1:01.67	56.51	
r:+0.53 27.36	56.51 (29.15)				
3 Cao Van, Dung	19	Ha Noi	1:01.67	57.72	
r:+0.65 28.06	57.72 (29.66)				
4 Mai Tran Tuan, Anh	16	Quan Doi	58.69	57.97	
r:+0.56 28.09	57.97 (29.88)				
5 Le Nguyen, Thanh Dan	16	TP Ho Chi Minh	1:00.62	59.60	
r:+0.66 29.19	59.60 (30.41)				
6 Nguyen Ngoc, Trien	24	Da Nang	1:05.37	1:00.13	
r:+0.61 28.82	1:00.13 (31.31)				
7 Ngo Tuan, Lam	17	Da Nang	1:03.65	1:04.46	
r:+0.63 31.12	1:04.46 (33.34)				
8 Le Manh, Cuong	16	Ha Noi	1:08.38	1:07.23	
r:+0.68 32.26	1:07.23 (34.97)				

## Event 317 Men 100 LC Meter Backstroke

KLQG: 54.98 # 12/2019 Le Nguyen Paul

KLDH: 55.49 \* 03/12/2018 Khoi Tran Duy

An Giang  
HCM

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Mai Tran Tuan, Anh	16	Quan Doi	57.91	58.69	q
r:+0.60 28.16	58.69 (30.53)				
2 Le Nguyen, Thanh Dan	16	TP Ho Chi Minh	1:00.69	1:00.62	q
r:+0.67 29.43	1:00.62 (31.19)				
3 Le Nguyen, Paul	30	An Giang	55.39	1:01.00	q
r:+0.59 29.36	1:01.00 (31.64)				
*4 Cao Van, Dung	19	Ha Noi	57.00	1:01.67	q
r:+0.66 29.53	1:01.67 (32.14)				
*4 Tran Duy, Khoi	25	TP Ho Chi Minh	57.00	1:01.67	q
r:+0.54 30.31	1:01.67 (31.36)				
6 Ngo Tuan, Lam	17	Da Nang	1:00.00	1:03.65	q
r:+0.65 30.30	1:03.65 (33.35)				

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 317 Men 100 LC Meter Backstroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
7 Nguyen Ngoc, Trien r:+0.60 28.26	24	Da Nang	59.00	1:05.37	q
				1:05.37 (37.11)	
8 Tran Hung, Nguyen r:+0.54 29.84	19	Quan Doi	56.00	1:07.81	q
				1:07.81 (37.97)	
9 Le Manh, Cuong r:+0.64 33.29	16	Ha Noi	1:03.00	1:08.38	
				1:08.38 (35.09)	
10 Vo Tri, Trung r:+0.65 33.18	18	An Giang	58.10	1:08.85	
				1:08.85 (35.67)	

## Event 318 Women 100 LC Meter Backstroke

KLQG: 1:01.89 # 8/2017 Nguyen Thi Anh Vien

KLDH: 1:03.71 \* 03/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Nguyen Thi, Anh Vien r:+0.63 31.28	26	Quan Doi	1:09.06	1:04.23	
				1:04.23 (32.95)	
2 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.72 31.78	21	TP Ho Chi Minh	1:10.43	1:05.12	
				1:05.12 (33.34)	
3 Tran Thi, Hong Gam r:+0.79 32.88	17	Long An	1:09.83	1:06.95	
				1:06.95 (34.07)	
4 Le Quynh, Nhu r:+0.61 31.95	14	Dong Nai	1:12.96	1:07.15	
				1:07.15 (35.20)	
5 Hoang Thi, Trang r:+0.64 32.13	21	Thanh Hoa	1:11.51	1:07.34	
				1:07.34 (35.21)	
6 Dang Hoang, Bao Tien r:+0.65 34.78	19	TP Ho Chi Minh	1:12.92	1:11.80	
				1:11.80 (37.02)	
7 Tran Anh, Thu r:+0.67 34.90	13	Quan Doi	1:12.15	1:11.89	
				1:11.89 (36.99)	
8 Le Thi, Thuy Trang r:+0.66 37.24	14	Da Nang	1:14.01	1:16.75	
				1:16.75 (39.51)	

## Event 318 Women 100 LC Meter Backstroke

KLQG: 1:01.89 # 8/2017 Nguyen Thi Anh Vien

KLDH: 1:03.71 \* 03/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Thi, Anh Vien r:+0.68 33.25	26	Quan Doi	1:03.00	1:09.06	q
				1:09.06 (35.81)	
2 Tran Thi, Hong Gam r:+0.76 34.06	17	Long An	1:08.00	1:09.83	q
				1:09.83 (35.77)	
3 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.73 34.44	21	TP Ho Chi Minh	1:05.79	1:10.43	q
				1:10.43 (35.99)	
4 Hoang Thi, Trang r:+0.62 33.75	21	Thanh Hoa	1:03.50	1:11.51	q
				1:11.51 (37.76)	
5 Tran Anh, Thu r:+0.69 35.68	13	Quan Doi	1:11.00	1:12.15	q
				1:12.15 (36.47)	
6 Dang Hoang, Bao Tien r:+0.68 35.59	19	TP Ho Chi Minh	1:10.83	1:12.92	q
				1:12.92 (37.33)	
7 Le Quynh, Nhu r:+0.66 35.93	14	Dong Nai	1:06.00	1:12.96	q
				1:12.96 (37.03)	
*8 Le Thi, Thuy Trang r:+0.67 35.86	14	Da Nang	1:09.00	1:14.01	q
				1:14.01 (38.15)	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 318 Women 100 LC Meter Backstroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
*8 Dinh Thi, Ngoc Diep	15	Ha Noi	1:09.00	1:14.01	q
r:+0.64 36.02		1:14.01 (37.99)			

## Swim-Off Required

10 Le Thi, Kim Ngan	11	An Giang	1:17.00	1:14.77	
r:+0.63 36.55		1:14.77 (38.22)			
11 Do Thi, Tuyet Mai	15	Hai Phong	1:08.00	1:15.12	
r:+0.69 35.02		1:15.12 (40.10)			
12 Nguyen Thi, Thanh Thi	13	Quang Ninh	1:15.60	1:15.56	
r:+0.64 36.76		1:15.56 (38.80)			
13 Nguyen Thu, Thao	16	Ha Noi	1:10.00	1:16.57	
r:+0.66 36.60		1:16.57 (39.97)			
14 Pham Thi, Van	17	Thanh Hoa	1:02.60	1:23.58	
r:+0.73 40.91		1:23.58 (42.67)			

## Event 319 Men 400 LC Meter Freestyle

KLQG: 3:48.06 # 5/2022 Nguyen Huy Hoang  
 KLDH: 3:50.72 \* 03/12/2018 Hoang Nguyen Huy

Quang Binh  
 QBH

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Nguyen Huy, Hoang	22	Quang Binh	4:01.61	3:50.54*	
r:+0.71 27.10		56.12 (29.02) 1:25.44 (29.32)	1:54.70 (29.26)		
2:23.79 (29.09)		2:52.94 (29.15) 3:21.79 (28.85)	3:50.54 (28.75)		
2 Tran Hung, Nguyen	19	Quan Doi	4:03.84	3:52.57	
r:+0.64 27.40		56.69 (29.29) 1:26.27 (29.58)	1:55.70 (29.43)		
2:24.50 (28.80)		2:54.12 (29.62) 3:23.63 (29.51)	3:52.57 (28.94)		
3 Nguyen Huu, Kim Son	20	Da Nang	4:05.67	3:52.89	
r:+0.66 27.20		56.47 (29.27) 1:26.09 (29.62)	1:56.40 (30.31)		
2:25.98 (29.58)		2:55.54 (29.56) 3:24.70 (29.16)	3:52.89 (28.19)		
4 Do Ngoc, Vinh	18	Ha Noi	4:03.99	3:53.13	
r:+0.65 27.29		56.82 (29.53) 1:26.19 (29.37)	1:55.78 (29.59)		
2:24.95 (29.17)		2:54.60 (29.65) 3:24.37 (29.77)	3:53.13 (28.76)		
5 Nguyen Quang, Thuan	16	Quan Doi	4:06.03	3:54.13	
r:+0.66 27.16		56.95 (29.79) 1:26.35 (29.40)	1:55.71 (29.36)		
2:25.17 (29.46)		2:54.43 (29.26) 3:24.29 (29.86)	3:54.13 (29.84)		
6 Le Do, Gia Khang	17	TP Ho Chi Minh	4:10.88	4:00.57	
r:+0.70 27.74		57.77 (30.03) 1:28.12 (30.35)	1:58.85 (30.73)		
2:29.40 (30.55)		3:00.27 (30.87) 3:30.84 (30.57)	4:00.57 (29.73)		
7 Lai Duc, Khiem	18	TP Ho Chi Minh	4:13.84	4:10.81	
r:+0.71 28.72		59.75 (31.03) 1:31.18 (31.43)	2:03.30 (32.12)		
2:35.43 (32.13)		3:07.76 (32.33) 3:39.72 (31.96)	4:10.81 (31.09)		
8 Ngo Minh, Chien	15	Quang Binh	4:21.83	4:19.78	
r:+0.72 29.11		1:00.79 (31.68) 1:33.21 (32.42)	2:06.12 (32.91)		
2:39.40 (33.28)		3:13.23 (33.83) 3:47.00 (33.77)	4:19.78 (32.78)		

## Event 319 Men 400 LC Meter Freestyle

KLQG: 3:48.06 # 5/2022 Nguyen Huy Hoang  
 KLDH: 3:50.72 \* 03/12/2018 Hoang Nguyen Huy

Quang Binh  
 QBH

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Huy, Hoang	22	Quang Binh	3:48.06	4:01.61	q
r:+0.71 28.31		58.38 (30.07) 1:29.02 (30.64)	1:59.39 (30.37)		
2:29.87 (30.48)		3:00.31 (30.44) 3:31.43 (31.12)	4:01.61 (30.18)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 319 Men 400 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
2 Tran Hung, Nguyen	19	Quan Doi	3:50.00	4:03.84	q
r:+0.65 27.41	57.65 (30.24)	1:28.75 (31.10)	2:01.65 (32.90)		
2:33.22 (31.57)	3:04.36 (31.14)	3:35.12 (30.76)	4:03.84 (28.72)		
3 Do Ngoc, Vinh	18	Ha Noi	3:54.50	4:03.99	q
r:+0.61 28.15	58.75 (30.60)	1:29.83 (31.08)	2:01.03 (31.20)		
2:32.35 (31.32)	3:04.24 (31.89)	3:35.33 (31.09)	4:03.99 (28.66)		
4 Nguyen Huu, Kim Son	20	Da Nang	3:50.00	4:05.67	q
r:+0.68 29.13	1:00.29 (31.16)	1:31.11 (30.82)	2:02.29 (31.18)		
2:32.18 (29.89)	3:03.46 (31.28)	3:34.81 (31.35)	4:05.67 (30.86)		
5 Nguyen Quang, Thuan	16	Quan Doi	3:55.00	4:06.03	q
r:+0.71 29.65	1:00.19 (30.54)	1:30.80 (30.61)	2:01.60 (30.80)		
2:32.25 (30.65)	3:03.46 (31.21)	3:34.70 (31.24)	4:06.03 (31.33)		
6 Le Do, Gia Khang	17	TP Ho Chi Minh	4:08.83	4:10.88	q
r:+0.78 28.65	59.52 (30.87)	1:31.11 (31.59)	2:02.69 (31.58)		
2:34.92 (32.23)	3:06.83 (31.91)	3:39.21 (32.38)	4:10.88 (31.67)		
7 Lai Duc, Khiem	18	TP Ho Chi Minh	4:15.00	4:13.84	q
r:+0.68 28.82	1:00.22 (31.40)	1:31.87 (31.65)	2:04.05 (32.18)		
2:36.78 (32.73)	3:09.64 (32.86)	3:42.34 (32.70)	4:13.84 (31.50)		
8 Ngo Minh, Chien	15	Quang Binh	4:22.15	4:21.83	q
r:+0.75 29.63	1:01.97 (32.34)	1:35.31 (33.34)	2:08.64 (33.33)		
2:42.28 (33.64)	3:16.31 (34.03)	3:49.23 (32.92)	4:21.83 (32.60)		
9 Nguyen Hoang, Dang	14	An Giang	4:11.00	4:22.59	
r:+0.71 29.85	1:02.14 (32.29)	1:34.82 (32.68)	2:07.98 (33.16)		
2:41.41 (33.43)	3:15.19 (33.78)	3:49.18 (33.99)	4:22.59 (33.41)		
10 Le Manh, Cuong	16	Ha Noi	4:18.00	4:41.23	
r:+0.74 30.47	1:03.44 (32.97)	1:38.15 (34.71)	2:13.95 (35.80)		
2:50.48 (36.53)	3:27.78 (37.30)	4:05.27 (37.49)	4:41.23 (35.96)		

## Event 320 Women 1500 LC Meter Freestyle

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Vo Thi, My Tien	17	Long An	17:15.00	17:25.91	
r:+0.75 31.59	1:05.24 (33.65)	1:39.29 (34.05)	2:13.31 (34.02)		
2:47.16 (33.85)	3:21.22 (34.06)	3:55.39 (34.17)	4:29.55 (34.16)		
5:03.66 (34.11)	5:37.80 (34.14)	6:12.52 (34.72)	6:47.11 (34.59)		
7:21.67 (34.56)	7:56.39 (34.72)	8:31.17 (34.78)	9:06.01 (34.84)		
9:41.32 (35.31)	10:16.40 (35.08)	10:52.07 (35.67)	11:27.58 (35.51)		
12:03.14 (35.56)	12:38.78 (35.64)	13:14.31 (35.53)	13:49.92 (35.61)		
14:26.18 (36.26)	15:02.40 (36.22)	15:38.63 (36.23)	16:14.57 (35.94)		
16:50.64 (36.07)	17:25.91 (35.27)				
2 Le Thu, Thuy	15	Dong Nai	17:30.00	17:37.28	
r:+0.81 32.92	1:07.63 (34.71)	1:42.13 (34.50)	2:16.81 (34.68)		
2:51.87 (35.06)	3:27.25 (35.38)	4:02.53 (35.28)	4:37.78 (35.25)		
5:12.69 (34.91)	5:47.82 (35.13)	6:23.48 (35.66)	6:58.75 (35.27)		
7:34.20 (35.45)	8:09.62 (35.42)	8:44.95 (35.33)	9:20.47 (35.52)		
9:55.85 (35.38)	10:31.70 (35.85)	11:07.15 (35.45)	11:43.11 (35.96)		
12:18.74 (35.63)	12:54.29 (35.55)	13:29.87 (35.58)	14:05.95 (36.08)		
14:41.99 (36.04)	15:17.55 (35.56)	15:53.62 (36.07)	16:28.88 (35.26)		
17:03.30 (34.42)	17:37.28 (33.98)				

KLQG: 16:28.18 #

5/2017

Nguyen Thi Anh Vien

Quan Doi

KLDH: 17:02.19 \*

12/2014

Nguyen T Anh Vien

Quan Doi

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## (Event 320 Women 1500 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
3 Le Thi, My Thao	26	Binh Phuoc	17:20.03	17:48.53	
r:+0.87 33.22	1:09.16 (35.94)	1:43.88 (34.72)	2:19.62 (35.74)		
2:54.88 (35.26)	3:30.13 (35.25)	4:05.36 (35.23)	4:40.51 (35.15)		
5:15.96 (35.45)	5:51.22 (35.26)	6:26.78 (35.56)	7:02.01 (35.23)		
7:37.51 (35.50)	8:12.99 (35.48)	8:48.97 (35.98)	9:24.68 (35.71)		
10:00.60 (35.92)	10:36.59 (35.99)	11:12.52 (35.93)	11:48.51 (35.99)		
12:24.24 (35.73)	13:00.31 (36.07)	13:36.32 (36.01)	14:12.66 (36.34)		
14:48.72 (36.06)	15:25.08 (36.36)	16:01.57 (36.49)	16:36.95 (35.38)		
17:13.32 (36.37)	17:48.53 (35.21)				
4 Dang Ai, My	16	An Giang	17:40.00	18:04.44	
r:+0.67 32.31	1:07.13 (34.82)	1:42.41 (35.28)	2:17.86 (35.45)		
2:53.14 (35.28)	3:28.47 (35.33)	4:03.66 (35.19)	4:39.27 (35.61)		
5:14.35 (35.08)	5:50.24 (35.89)	6:25.49 (35.25)	7:01.47 (35.98)		
7:37.25 (35.78)	8:13.04 (35.79)	8:49.34 (36.30)	9:25.57 (36.23)		
10:01.74 (36.17)	10:38.40 (36.66)	11:14.96 (36.56)	11:51.78 (36.82)		
12:28.57 (36.79)	13:05.87 (37.30)	13:42.65 (36.78)	14:20.12 (37.47)		
14:57.46 (37.34)	15:35.29 (37.83)	16:12.65 (37.36)	16:50.36 (37.71)		
17:27.53 (37.17)	18:04.44 (36.91)				
5 Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	17:30.00	18:26.29	
32.37	1:06.89 (34.52)	1:42.73 (35.84)	2:18.39 (35.66)		
2:54.24 (35.85)	3:30.37 (36.13)	4:07.30 (36.93)	4:44.09 (36.79)		
5:21.35 (37.26)	5:57.98 (36.63)	6:34.74 (36.76)	7:11.54 (36.80)		
7:49.11 (37.57)	8:25.89 (36.78)	9:03.42 (37.53)	9:40.36 (36.94)		
10:17.55 (37.19)	10:54.89 (37.34)	11:32.64 (37.75)	12:10.34 (37.70)		
12:48.00 (37.66)	13:25.50 (37.50)	14:02.59 (37.09)	14:39.77 (37.18)		
15:17.79 (38.02)	15:55.76 (37.97)	16:33.52 (37.76)	17:11.03 (37.51)		
17:48.94 (37.91)	18:26.29 (37.35)				
6 Le Nguyen, Nhu Quynh	14	TP Ho Chi Minh	18:34.00	18:31.25	
r:+0.70 33.72	1:09.43 (35.71)	1:45.77 (36.34)	2:22.33 (36.56)		
2:59.45 (37.12)	3:36.59 (37.14)	4:13.69 (37.10)	4:50.66 (36.97)		
5:27.87 (37.21)	6:04.87 (37.00)	6:42.04 (37.17)	7:19.45 (37.41)		
7:56.70 (37.25)	8:34.05 (37.35)	9:11.45 (37.40)	9:48.69 (37.24)		
10:25.99 (37.30)	11:03.12 (37.13)	11:40.81 (37.69)	12:17.87 (37.06)		
12:55.46 (37.59)	13:33.07 (37.61)	14:11.01 (37.94)	14:48.57 (37.56)		
15:25.92 (37.35)	16:02.94 (37.02)	16:40.36 (37.42)	17:17.62 (37.26)		
17:54.79 (37.17)	18:31.25 (36.46)				

## Event 321 Mixed 400 LC Meter Medley Relay

KLQG: 4:02.23 # 12/2018 Khoi, Jeremie, Tram, Anh TP Ho Chi Minh  
 KLDH: 4:02.23 \* 03/12/2018 TP Ho Chi Minh HCM  
 K Tran Duy, P Vu T, J Luong, P Nguyen D

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	4:02.13#	
1) Tran Duy, Khoi M25	2) r:0.43 Vu Thi, Phuong Anh W213	r:0.41 Nguyen Diep, Phuong Tra4	r:0.26 Luong Jeremie, Loic Ninc	
r:+0.55 27.26	56.23 (56.23)	1:30.40 (34.17)	2:10.15 (1:13.92)	
2:39.34 (29.19)	3:12.83 (1:02.68)	3:36.17 (23.34)	4:02.13 (49.30)	
2 Quan Doi	A	NT	4:04.98	
1) Tran Hung, Nguyen M19	2) r:0.27 Le Thanh, Duoc M18	3) r:0.57 Nguyen Thuy, Hien W13	4) r:0.60 Nguyen Thi, Anh Vien W:	
r:+0.52 27.85	57.05 (57.05)	1:26.95 (29.90)	2:01.30 (1:04.25)	
2:31.34 (30.04)	3:06.37 (1:05.07)	3:34.67 (28.30)	4:04.98 (58.61)	
3 An Giang	A	NT	4:14.30	
1) Vo Tri, Trung M18	2) r:0.40 Ha Thi, Kieu My W14	3) r:0.23 Ngo Phuoc, Tan M21	4) r:0.31 Dang Ai, My W16	
r:+0.62 28.30	58.70 (58.70)	1:34.03 (35.33)	2:14.89 (1:16.19)	
2:41.70 (26.81)	3:15.05 (1:00.16)	3:43.50 (28.45)	4:14.30 (59.25)	

**GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022****Results****(Event 321 Mixed 400 LC Meter Medley Relay)**

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
4 Da Nang	A	NT	4:15.57	
1) Ngo Tuan, Lam M17	2) r:0.02 Tran Dinh, Tau M20	3) r:0.45 Le Thi, Thuy Trang W14	4) r:0.38 Le Thi, Nhu Quynh W17	
r:+0.63 29.60	1:02.23 (1:02.23)	1:33.04 (30.81)	2:08.08 (1:05.85)	
2:38.68 (30.60)	3:13.27 (1:05.19)	3:42.21 (28.94)	4:15.57 (1:02.30)	
5 Ha Noi	A	NT	4:31.90	
1) Dinh Thi, Ngoc Diep W15	2) r:0.47 Le Manh, Cuong M16	3) r:0.53 Nguyen Huu, Duc M15	4) r:0.68 Bui Quynh, Anh W13	
r:+0.59 35.21	1:13.34 (1:13.34)	1:47.54 (34.20)	2:25.96 (1:12.62)	
2:53.71 (27.75)	3:26.14 (1:00.18)	3:57.55 (31.41)	4:31.90 (1:05.76)	

**Event 422 Men 50 LC Meter Backstroke**

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Le Nguyen, Paul	30	An Giang	28.68	26.05	
r:+0.53					
2 Tran Duy, Khoi	25	TP Ho Chi Minh	28.70	26.16	
r:+0.49					
3 Luong Jeremie, Loic Nino	22	TP Ho Chi Minh	27.65	26.69	
r:+0.54					
4 Mai Tran Tuan, Anh	16	Quan Doi	27.90	27.28	
r:+0.55					
5 Vo Dinh, Phi	17	Hai Phong	29.41	29.21	
r:+0.63					
6 Ngo Tuan, Lam	17	Da Nang	29.69	29.94	
r:+0.65					
7 Nguyen Huu, Duc	15	Ha Noi	30.82	30.54	
r:+0.60					
8 Nguyen Ngoc, Trien	24	Da Nang	33.37	32.39	
r:+0.60					

**Event 422 Men 50 LC Meter Backstroke**

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	Points
<b>Preliminaries</b>					
1 Luong Jeremie, Loic Nino	22	TP Ho Chi Minh	26.00	27.65	q
r:+0.60					
2 Mai Tran Tuan, Anh	16	Quan Doi	27.22	27.90	q
r:+0.53					
3 Le Nguyen, Paul	30	An Giang	25.50	28.68	q
r:+0.55					
4 Tran Duy, Khoi	25	TP Ho Chi Minh	26.15	28.70	q
r:+0.56					
5 Vo Dinh, Phi	17	Hai Phong	28.00	29.41	q
r:+0.62					
6 Ngo Tuan, Lam	17	Da Nang	28.00	29.69	q
r:+0.64					
7 Nguyen Huu, Duc	15	Ha Noi	29.00	30.82	q
r:+0.57					
8 Nguyen Ngoc, Trien	24	Da Nang	28.00	33.37	q
r:+0.59					

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 422 Men 50 LC Meter Backstroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
9 Pham Van, Xuan r:+0.68	15	Hai Duong	NT	33.53
10 Vo Tri, Trung r:+0.66	18	An Giang	26.90	34.32
11 Cao Van, Dung r:+0.59	19	Ha Noi	27.00	35.63
12 Tran Hung, Nguyen r:+0.58	19	Quan Doi	26.00	38.71

## Event 423 Women 200 LC Meter IM

KLQG: 2:12.33 # 8/2015 Nguyen Thi Anh Vien

KLDH: 2:19.43 \* 01/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Nguyen Thi, Anh Vien r:+0.74 30.27	26	Quan Doi	2:31.77	2:22.72	
			1:05.42 (35.15)	1:48.03 (42.61)	2:22.72 (34.69)
2 Vu Thi, Phuong Anh r:+0.72 31.38	21	TP Ho Chi Minh	2:35.14	2:24.78	
			1:08.86 (37.48)	1:50.66 (41.80)	2:24.78 (34.12)
3 Nguyen Thi, Nhat Lam r:+0.78 31.16	19	Vinh Long	2:37.94	2:25.21	
			1:09.55 (38.39)	1:51.98 (42.43)	2:25.21 (33.23)
4 Nguyen Ngoc, Anh Thu r:+0.73 31.35	15	Quang Binh	2:35.07	2:25.36	
			1:10.65 (39.30)	1:51.68 (41.03)	2:25.36 (33.68)
5 Le Thi, Thuy Trang r:+0.71 32.13	14	Da Nang	2:41.61	2:28.42	
			1:10.91 (38.78)	1:53.23 (42.32)	2:28.42 (35.19)
6 Do Ngoc, Hoang Lam r:+0.78 32.29	14	Quan Doi	2:35.70	2:36.13	
			1:16.15 (43.86)	1:59.57 (43.42)	2:36.13 (36.56)
7 Le Thi, Kim Ngan r:+0.78 34.23	11	An Giang	2:42.38	2:39.98	
			1:14.71 (40.48)	2:03.48 (48.77)	2:39.98 (36.50)
8 Dao Thi, Anh r:+0.82 32.99	14	Ha Noi	2:44.59	2:43.48	
			1:17.45 (44.46)	2:04.67 (47.22)	2:43.48 (38.81)

## Event 423 Women 200 LC Meter IM

KLQG: 2:12.33 # 8/2015 Nguyen Thi Anh Vien

KLDH: 2:19.43 \* 01/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Thi, Anh Vien r:+0.76 31.85	26	Quan Doi	2:20.00	2:31.77	q
			1:09.95 (38.10)	1:54.99 (45.04)	2:31.77 (36.78)
2 Nguyen Ngoc, Anh Thu r:+0.78 33.16	15	Quang Binh	2:22.00	2:35.07	q
			1:14.59 (41.43)	1:59.10 (44.51)	2:35.07 (35.97)
3 Vu Thi, Phuong Anh r:+0.73 32.73	21	TP Ho Chi Minh	2:20.00	2:35.14	q
			1:12.71 (39.98)	1:57.25 (44.54)	2:35.14 (37.89)
4 Do Ngoc, Hoang Lam r:+0.76 32.91	14	Quan Doi	2:31.00	2:35.70	q
			1:17.14 (44.23)	1:59.96 (42.82)	2:35.70 (35.74)
5 Tran Pham, Tu Minh r:+0.73 32.09	13	Dong Nai	2:27.00	2:35.80	q
			1:13.85 (41.76)	2:00.46 (46.61)	2:35.80 (35.34)
6 Nguyen Thi, Nhat Lam r:+0.76 32.63	19	Vinh Long	2:22.00	2:37.94	q
			1:14.62 (41.99)	2:00.72 (46.10)	2:37.94 (37.22)
7 Le Thi, Thuy Trang r:+0.68 33.99	14	Da Nang	2:24.00	2:41.61	q
			1:16.01 (42.02)	2:03.43 (47.42)	2:41.61 (38.18)
8 Le Thi, Kim Ngan r:+0.76 35.24	11	An Giang	2:39.00	2:42.38	q
			1:16.49 (41.25)	2:05.12 (48.63)	2:42.38 (37.26)



## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 423 Women 200 LC Meter IM)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
9 Dao Thi, Anh	14	Ha Noi	2:40.00	2:44.59
r:+0.84 34.63	1:20.23 (45.60)	2:06.64 (46.41)	2:44.59 (37.95)	
10 Bui Quynh, Anh	13	Ha Noi	2:35.00	2:45.97
r:+0.74 35.54	1:19.89 (44.35)	2:06.90 (47.01)	2:45.97 (39.07)	
11 Le Nguyen, Nhu Quynh	14	TP Ho Chi Minh	2:30.00	2:49.00
r:+0.74 33.48	1:16.92 (43.44)	2:08.99 (52.07)	2:49.00 (40.01)	
12 Vo Thi, My Tien	17	Long An	2:20.00	2:49.95
r:+0.76 32.23	1:18.63 (46.40)	2:09.73 (51.10)	2:49.95 (40.22)	

## Event 424 Men 400 LC Meter IM

KLQG: 4:18.10 # 5/2022 Tran Hung Nguyen

Quan Doi

KLDH: 4:22.56 \* 01/12/2018 Nguyen Tran Hung

QDI

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Quang, Thuan	16	Quan Doi	4:22.00	4:20.19*	
r:+0.68 28.02	59.95 (31.93)	1:34.45 (34.50)	2:07.99 (33.54)		
2:44.61 (36.62)	3:21.27 (36.66)	3:50.95 (29.68)	4:20.19 (29.24)		
2 Cao Van, Dung	19	Ha Noi	4:25.00	4:23.10	
r:+0.69 28.61	1:01.29 (32.68)	1:34.95 (33.66)	2:07.47 (32.52)		
2:45.29 (37.82)	3:21.69 (36.40)	3:52.18 (30.49)	4:23.10 (30.92)		
3 Tran Hung, Nguyen	19	Quan Doi	4:18.00	4:29.12	
r:+0.65 28.68	1:00.83 (32.15)	1:35.44 (34.61)	2:08.82 (33.38)		
2:45.82 (37.00)	3:24.20 (38.38)	3:57.89 (33.69)	4:29.12 (31.23)		
4 Lai Duc, Khiem	18	TP Ho Chi Minh	4:52.00	4:45.86	
r:+0.67 28.73	1:01.65 (32.92)	1:42.11 (40.46)	2:19.82 (37.71)		
2:59.87 (40.05)	3:41.44 (41.57)	4:14.34 (32.90)	4:45.86 (31.52)		
5 Tran Van, Nguyen Quoc	14	Da Nang	4:58.00	5:06.05	
r:+0.69 28.23	1:02.39 (34.16)	1:44.21 (41.82)	2:23.66 (39.45)		
3:09.48 (45.82)	3:56.11 (46.63)	4:31.56 (35.45)	5:06.05 (34.49)		

## Event 425 Women 800 LC Meter Freestyle

KLQG: 8:34.85 # 6/2015 Nguyen Thi Anh Vien

Quan Doi

KLDH: 8:54.34 \* 12/2014 Nguyen T Anh Vien

Quan Doi

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Vo Thi, My Tien	17	Long An	8:50.00	9:06.32	
r:+0.82 31.27	1:04.38 (33.11)	1:37.76 (33.38)	2:11.18 (33.42)		
2:44.92 (33.74)	3:18.66 (33.74)	3:52.47 (33.81)	4:26.30 (33.83)		
5:00.39 (34.09)	5:34.50 (34.11)	6:09.41 (34.91)	6:44.47 (35.06)		
7:19.67 (35.20)	7:55.49 (35.82)	8:31.22 (35.73)	9:06.32 (35.10)		
2 Le Thu, Thuy	15	Dong Nai	9:15.00	9:11.02	
r:+0.86 32.04	1:06.20 (34.16)	1:40.04 (33.84)	2:14.25 (34.21)		
2:48.53 (34.28)	3:22.46 (33.93)	3:56.75 (34.29)	4:31.56 (34.81)		
5:06.42 (34.86)	5:41.71 (35.29)	6:17.07 (35.36)	6:51.80 (34.73)		
7:27.43 (35.63)	8:02.98 (35.55)	8:37.79 (34.81)	9:11.02 (33.23)		
3 Dang Ai, My	16	An Giang	9:10.00	9:22.50	
r:+0.67 31.98	1:06.12 (34.14)	1:40.57 (34.45)	2:14.95 (34.38)		
2:48.84 (33.89)	3:23.32 (34.48)	3:58.04 (34.72)	4:33.37 (35.33)		
5:09.07 (35.70)	5:45.39 (36.32)	6:21.43 (36.04)	6:57.55 (36.12)		
7:34.18 (36.63)	8:10.76 (36.58)	8:46.98 (36.22)	9:22.50 (35.52)		
4 Le Nguyen, Nhu Quynh	14	TP Ho Chi Minh	9:38.00	9:36.17	
r:+0.71 32.79	1:07.88 (35.09)	1:43.85 (35.97)	2:20.09 (36.24)		
2:56.24 (36.15)	3:32.88 (36.64)	4:09.29 (36.41)	4:45.17 (35.88)		
5:20.85 (35.68)	5:57.18 (36.33)	6:34.23 (37.05)	7:10.64 (36.41)		
7:47.22 (36.58)	8:23.88 (36.66)	9:00.22 (36.34)	9:36.17 (35.95)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## (Event 425 Women 800 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
5 Tran Pham, Tu Minh	13	Dong Nai	9:45.00	9:42.53	
r:+0.77 32.73	1:08.12 (35.39)	1:44.50 (36.38)	2:20.32 (35.82)		
2:56.97 (36.65)	3:33.06 (36.09)	4:09.33 (36.27)	4:45.14 (35.81)		
5:22.44 (37.30)	5:59.22 (36.78)	6:36.19 (36.97)	7:12.73 (36.54)		
7:50.44 (37.71)	8:28.05 (37.61)	9:06.23 (38.18)	9:42.53 (36.30)		
6 Dinh Thi, Ngoc Diep	15	Ha Noi	9:40.00	10:36.89	
r:+0.76 33.54	1:10.73 (37.19)	1:49.66 (38.93)	2:29.13 (39.47)		
3:09.23 (40.10)	3:49.44 (40.21)	4:30.07 (40.63)	5:11.03 (40.96)		
5:51.91 (40.88)	6:33.23 (41.32)	7:14.28 (41.05)	7:55.41 (41.13)		
8:36.60 (41.19)	9:17.17 (40.57)	9:57.49 (40.32)	10:36.89 (39.40)		
--- Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	9:20.00	DQ	
r:+0.92 31.42	1:05.04 (33.62)	1:39.26 (34.22)	2:13.66 (34.40)		
2:48.45 (34.79)	3:23.48 (35.03)	3:58.96 (35.48)			

## Event 426 Men 800 LC Meter Freestyle

KLQG: 7:50.20 # 10/2018 Nguyen Huy Hoang Quang Binh  
 KLDH: 8:04.78 \* 12/2022 Nguyen huu Kim Son Da Nang

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Huy, Hoang	22	Quang Binh	7:50.20	7:56.49*	
r:+0.73 27.98	57.64 (29.66)	1:27.54 (29.90)	1:57.65 (30.11)		
2:27.89 (30.24)	2:57.79 (29.90)	3:27.64 (29.85)	3:57.69 (30.05)		
4:27.62 (29.93)	4:57.78 (30.16)	5:27.71 (29.93)	5:58.00 (30.29)		
6:28.13 (30.13)	6:58.25 (30.12)	7:28.02 (29.77)	7:56.49 (28.47)		
2 Nguyen Huu, Kim Son	20	Da Nang	NT	8:04.78*	
r:+0.63 27.53	57.32 (29.79)	1:27.67 (30.35)	1:58.11 (30.44)		
2:28.53 (30.42)	2:59.27 (30.74)	3:29.92 (30.65)	4:00.72 (30.80)		
4:31.44 (30.72)	5:02.64 (31.20)	5:33.57 (30.93)	6:04.52 (30.95)		
6:35.05 (30.53)	7:05.98 (30.93)	7:35.81 (29.83)	8:04.78 (28.97)		
3 Mai Tran Tuan, Anh	16	Quan Doi	8:05.87	8:05.49	
r:+0.67 28.28	58.71 (30.43)	1:29.30 (30.59)	1:59.83 (30.53)		
2:30.35 (30.52)	3:01.05 (30.70)	3:31.66 (30.61)	4:02.29 (30.63)		
4:32.45 (30.16)	5:02.81 (30.36)	5:32.96 (30.15)	6:03.56 (30.60)		
6:34.11 (30.55)	7:04.74 (30.63)	7:34.75 (30.01)	8:05.49 (30.74)		
4 Do Ngoc, Vinh	18	Ha Noi	8:06.50	8:06.43	
r:+0.64 28.43	58.94 (30.51)	1:29.61 (30.67)	2:00.20 (30.59)		
2:30.65 (30.45)	3:01.24 (30.59)	3:31.27 (30.03)	4:01.45 (30.18)		
4:31.44 (29.99)	5:01.94 (30.50)	5:32.36 (30.42)	6:03.33 (30.97)		
6:34.22 (30.89)	7:05.65 (31.43)	7:36.64 (30.99)	8:06.43 (29.79)		
5 Le Do, Gia Khang	17	TP Ho Chi Minh	8:39.00	8:19.79	
r:+0.69 28.83	59.61 (30.78)	1:31.01 (31.40)	2:02.59 (31.58)		
2:34.24 (31.65)	3:06.17 (31.93)	3:37.83 (31.66)	4:09.63 (31.80)		
4:41.03 (31.40)	5:12.76 (31.73)	5:44.17 (31.41)	6:15.98 (31.81)		
6:47.53 (31.55)	7:19.15 (31.62)	7:49.74 (30.59)	8:19.79 (30.05)		
6 Nguyen Quang, Thuan	16	Quan Doi	8:06.00	8:25.37	
r:+0.67 28.58	58.67 (30.09)	1:28.97 (30.30)	1:59.04 (30.07)		
2:29.38 (30.34)	2:59.88 (30.50)	3:30.49 (30.61)	4:02.50 (32.01)		
4:34.92 (32.42)	5:07.50 (32.58)	5:40.74 (33.24)	6:12.76 (32.02)		
6:45.83 (33.07)	7:18.69 (32.86)	7:52.04 (33.35)	8:25.37 (33.33)		
7 Nguyen Hoang, Dang	14	An Giang	8:34.00	8:39.30	
r:+0.71 29.63	1:01.65 (32.02)	1:34.26 (32.61)	2:07.22 (32.96)		
2:40.25 (33.03)	3:12.98 (32.73)	3:45.64 (32.66)	4:18.32 (32.68)		
4:51.24 (32.92)	5:23.96 (32.72)	5:56.80 (32.84)	6:29.58 (32.78)		
7:02.43 (32.85)	7:35.16 (32.73)	8:07.45 (32.29)	8:39.30 (31.85)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## (Event 426 Men 800 LC Meter Freestyle)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
8 Do Tran, An	14	TP Ho Chi Minh	8:54.00	8:48.10	
r:+0.68 29.88	1:01.93 (32.05)	1:35.30 (33.37)	2:08.36 (33.06)		
2:41.61 (33.25)	3:15.07 (33.46)	3:48.57 (33.50)	4:21.94 (33.37)		
4:55.25 (33.31)	5:28.51 (33.26)	6:02.24 (33.73)	6:35.60 (33.36)		
7:09.24 (33.64)	7:42.56 (33.32)	8:15.91 (33.35)	8:48.10 (32.19)		
9 Vo Minh, Hieu	16	Dong Nai	8:45.00	8:52.11	
r:+0.70 30.40	1:02.66 (32.26)	1:35.26 (32.60)	2:08.12 (32.86)		
2:40.95 (32.83)	3:14.26 (33.31)	3:47.35 (33.09)	4:20.99 (33.64)		
4:54.49 (33.50)	5:28.64 (34.15)	6:02.40 (33.76)	6:36.53 (34.13)		
7:10.29 (33.76)	7:44.28 (33.99)	8:18.36 (34.08)	8:52.11 (33.75)		
10 Ngo Minh, Chien	15	Quang Binh	8:55.10	9:02.24	
r:+0.73 30.60	1:03.60 (33.00)	1:37.36 (33.76)	2:11.49 (34.13)		
2:45.58 (34.09)	3:19.66 (34.08)	3:53.74 (34.08)	4:27.83 (34.09)		
5:02.07 (34.24)	5:36.35 (34.28)	6:10.74 (34.39)	6:45.32 (34.58)		
7:19.71 (34.39)	7:54.11 (34.40)	8:28.61 (34.50)	9:02.24 (33.63)		
11 Ha Huy, Tien	13	Ha Noi	11:00.00	10:38.84	
r:+0.69 33.14	1:10.20 (37.06)	1:48.94 (38.74)	2:28.53 (39.59)		
3:08.04 (39.51)	3:47.52 (39.48)	4:28.37 (40.85)	5:08.21 (39.84)		
5:49.60 (41.39)	6:31.37 (41.77)	7:13.39 (42.02)	7:55.57 (42.18)		
8:36.36 (40.79)	9:17.66 (41.30)	9:58.71 (41.05)	10:38.84 (40.13)		

## Event 427 Women 400 LC Meter Medley Relay

KLQG: 4:20.32 # 12/2019 Tram, Anh, Thao, Trang Doi tuyen  
 KLDH: 4:21.18 \* 04/12/2018 TP Ho Chi Minh HCM  
 P Nguyen D, P Vu T, T Tran Ngoc, N Le Hoang Bao

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	4:21.53	
1) Nguyen Diep, Phuong Tram 21	2) r:0.42 Vu Thi, Phuong Anh 21	3) r:0.79 Nguyen Kha, Nhi 14	4) r:0.36 Vu Thi, Phuong Anh' 14	
r:+0.73 32.15	1:05.71 (1:05.71)	1:40.23 (34.52)	2:19.31 (1:13.60)	
2:48.93 (29.62)	3:23.40 (1:04.09)	3:51.17 (27.77)	4:21.53 (58.13)	
2 Quan Doi	A	NT	4:27.47	
1) Nguyen Thi, Anh Vien 26	2) r:0.62 Le Thi Hong, Dieu 14	3) r:0.46 Nguyen Thi, Dieu Linh 24	4) r:0.41 Nguyen Thuy, Hien 13	
r:+0.69 32.57	1:07.78 (1:07.78)	1:43.98 (36.20)	2:24.77 (1:16.99)	
2:55.08 (30.31)	3:30.51 (1:05.74)	3:57.87 (27.36)	4:27.47 (56.96)	
3 Long An	A	NT	4:31.29	
1) Tran Thi, Hong Gam 17	2) r:0.53 Vo Thi, My Tien 17	3) r:0.71 Tran Thi, Hong Cam 21	4) r:0.63 Le Thi, Thien Kim 23	
r:+0.76 33.78	1:09.15 (1:09.15)	1:44.92 (35.77)	2:24.19 (1:15.04)	
2:54.62 (30.43)	3:30.60 (1:06.41)	3:59.23 (28.63)	4:31.29 (1:00.69)	
4 Da Nang	A	NT	4:37.85	
1) Le Thi, Thuy Trang 14	2) r:0.58 Le Thi, Nhu Quynh 17	3) r:0.31 Ton Nu, My Ngoc 19	4) r:0.16 Nguyen Thi, Huong Gianh	
r:+0.67 35.12	1:11.50 (1:11.50)	1:47.92 (36.42)	2:29.48 (1:17.98)	
2:59.86 (30.38)	3:35.21 (1:05.73)	4:04.61 (29.40)	4:37.85 (1:02.64)	
5 Ha Noi	A	NT	4:48.69	
1) Dinh Thi, Ngoc Diep 15	2) r:0.46 Bui Quynh, Anh 13	3) r:0.43 Dao Thi, Anh 14	4) r:0.00 Le Diem, Quynh 16	
r:+0.59 34.59	1:12.28 (1:12.28)	1:48.76 (36.48)	2:32.96 (1:20.68)	
3:04.71 (31.75)	3:42.27 (1:09.31)	4:13.38 (31.11)	4:48.69 (1:06.42)	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 428 Men 400 LC Meter Medley Relay

KLQG: 3:39.76 # 5/2022 Paul, Bao, Phuoc, Jeremie Doi tuyen  
 KLDH: 3:50.14 \* 04/12/2018 An Giang AGG  
 Nguyen Yung, Nguyen Huu, Le Nguyen, Pham Thanh

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	3:46.73*	
1) Tran Duy, Khoi 25	2) r:0.40 Bui Sy, Nhat 15	3) r:0.43 Bui Gia, Hoang 17	4) r:0.21 Luong Jeremie, Loic Ninc	
r:+0.53 27.08	56.36 (56.36) 1:26.65 (30.29)	2:01.49 (1:05.13)		
2:27.23 (25.74)	2:57.44 (55.95) 3:21.15 (23.71)	3:46.73 (49.29)		
2 Da Nang	A	NT	3:47.56*	
1) Nguyen Ngoc, Trien 24	2) r:0.41 Nguyen Huu, Kim Son 203	r:0.46 Nguyen Viet, Tuong 18	4) r:0.00 Hoang Quy, Phuoc 29	
r:+0.58 27.53	58.38 (58.38) 1:28.21 (29.83)	2:02.91 (1:04.53)		
2:28.54 (25.63)	2:58.35 (55.44) 3:21.52 (23.17)	3:47.56 (49.21)		
3 An Giang	A	NT	3:53.08	
1) Le Nguyen, Paul 30	2) r:0.09 Le Trong, Phuc 17	3) r:0.15 Ngo Phuoc, Tan 21	4) r:0.10 Vo Tri, Trung 18	
r:+0.54 27.14	56.74 (56.74) 1:26.46 (29.72)	2:01.71 (1:04.97)		
2:28.53 (26.82)	3:00.76 (59.05) 3:25.57 (24.81)	3:53.08 (52.32)		
4 Ha Noi	A	NT	4:11.79	
1) Nguyen Van, Hai 19	2) r:0.62 Le Manh, Cuong 16	3) r:0.35 Nguyen Huu, Duc 15	4) r:0.51 Phuong Duc, Binh 19	
r:+0.66 30.11	1:03.43 (1:03.43) 1:37.30 (33.87)	2:15.74 (1:12.31)		
2:43.13 (27.39)	3:15.94 (1:00.20) 3:42.83 (26.89)	4:11.79 (55.85)		
--- Quan Doi	A	NT	DQ	
Stroke infraction swimmer #4				
1) Mai Tran Tuan, Anh 16	2) r:0.16 Le Thanh, Duoc 18	3) r:0.32 Ho Nguyen Duy, Khoa 174	r:-0.11 Tran Hung, Nguyen 19	
r:+0.57 27.90	58.05 (58.05) 1:27.98 (29.93)	2:01.90 (1:03.85)		
2:27.65 (25.75)	2:57.56 (55.66) 3:21.30 (23.74)	DQ (50.21)		

## Event 529 Women 50 LC Meter Backstroke

KLQG: 29.26 # 8/2013 Nguyen T Anh Vien Quan Doi  
 KLDH: 29.43 \* 05/12/2018 Anh Vien Nguyen T QDI

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Le Quynh, Nhu	14	Dong Nai	30.89	30.25	
r:+0.58					
2 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	31.86	30.27	
r:+0.67					
3 Nguyen Diep, Phuong Tram	21	TP Ho Chi Minh	31.99	30.36	
r:+0.74					
4 Pham Thi, Van	17	Thanh Hoa	31.38	30.73	
r:+0.66					
5 Hoang Thi, Trang	21	Thanh Hoa	31.98	31.40	
r:+0.68					
6 Lam My, Ngan	17	TP Ho Chi Minh	33.51	32.78	
r:+0.71					
7 Do Thi, Tuyet Mai	15	Hai Phong	33.90	33.25	
r:+0.72					
8 Dinh Thi, Ngoc Diep	15	Ha Noi	33.92	33.61	
r:+0.59					

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 529 Women 50 LC Meter Backstroke

KLQG: 29.26 # 8/2013 Nguyen T Anh Vien

KLDH: 29.43 \* 05/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Le Quynh, Nhu r:+0.55	14	Dong Nai	29.80	30.89	q
2 Pham Thi, Van r:+0.68	17	Thanh Hoa	28.60	31.38	q
3 Nguyen Thi, Anh Vien r:+0.68	26	Quan Doi	28.00	31.86	q
4 Hoang Thi, Trang r:+0.66	21	Thanh Hoa	29.00	31.98	q
5 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.74	21	TP Ho Chi Minh	30.53	31.99	q
6 Lam My, Ngan r:+0.74	17	TP Ho Chi Minh	32.43	33.51	q
7 Do Thi, Tuyet Mai r:+0.68	15	Hai Phong	33.00	33.90	q
8 Dinh Thi, Ngoc Diep r:+0.60	15	Ha Noi	31.00	33.92	q
9 Nguyen Thu, Thao r:+0.59	16	Ha Noi	32.00	34.33	
10 Le Thi, Kim Ngan r:+0.53	11	An Giang	35.00	34.37	
11 Nguyen Thi, Thanh Thi r:+0.67	13	Quang Ninh	35.60	35.55	
12 Tran Thi, Hong Gam r:+0.69	17	Long An	33.00	38.26	
13 Nguyen Thuy, Hien r:+0.57	13	Quan Doi	32.00	38.99	
14 Le Thi, Thuy Trang r:+0.66	14	Da Nang	32.00	39.56	

## Event 530 Men 200 LC Meter Freestyle

KLQG: 1:48.07 # 8/2017 Hoang Quy Phuoc

KLDH: 1:48.57 \* 05/12/2018 Phuoc Hoang Quy

Da Nang

DNG

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Hoang Quy, Phuoc r:+0.68 25.72	29	Da Nang	2:02.32	1:49.82	
			53.97 (28.25)	1:22.17 (28.20)	1:49.82 (27.65)
2 Nguyen Huy, Hoang r:+0.72 26.44	22	Quang Binh	2:00.28	1:50.00	
			54.63 (28.19)	1:22.88 (28.25)	1:50.00 (27.12)
3 Ngo Dinh, Chuyen r:+0.65 25.98	21	Quang Ninh	2:06.51	1:50.95	
			54.75 (28.77)	1:23.31 (28.56)	1:50.95 (27.64)
4 Do Ngoc, Vinh r:+0.63 26.09	18	Ha Noi	1:57.04	1:51.10	
			54.55 (28.46)	1:23.16 (28.61)	1:51.10 (27.94)
5 Nguyen Huu, Duc r:+0.65 28.74	15	Ha Noi	2:08.05	2:08.46	
			1:01.17 (32.43)	1:35.35 (34.18)	2:08.46 (33.11)
6 Ngo Ba, Gia Kiet r:+0.88 31.61	12	Hai Phong	2:22.57	2:20.54	
			1:07.25 (35.64)	1:45.41 (38.16)	2:20.54 (35.13)

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 530 Men 200 LC Meter Freestyle

KLQG: 1:48.07 # 8/2017 Hoang Quy Phuoc  
 KLDH: 1:48.57 \* 05/12/2018 Phuoc Hoang Quy

Da Nang  
 DNG

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Do Ngoc, Vinh	18	Ha Noi	1:50.00	1:57.04	q
r:+0.64 26.90	56.51 (29.61)	1:27.16 (30.65)	1:57.04 (29.88)		
2 Nguyen Huy, Hoang	22	Quang Binh	1:49.36	2:00.28	q
r:+0.71 26.30	57.76 (31.46)	1:29.37 (31.61)	2:00.28 (30.91)		
3 Hoang Quy, Phuoc	29	Da Nang	1:49.00	2:02.32	q
r:+0.69 27.21	58.85 (31.64)	1:31.58 (32.73)	2:02.32 (30.74)		
4 Ngo Dinh, Chuyen	21	Quang Ninh	1:51.50	2:06.51	q
r:+0.64 28.32	1:00.18 (31.86)	1:33.33 (33.15)	2:06.51 (33.18)		
5 Nguyen Huu, Duc	15	Ha Noi	2:05.00	2:08.05	q
r:+0.69 29.29	1:01.92 (32.63)	1:35.80 (33.88)	2:08.05 (32.25)		
6 Ngo Ba, Gia Kiet	12	Hai Phong	NT	2:22.57	q
r:+0.78 31.81	1:08.34 (36.53)	1:46.79 (38.45)	2:22.57 (35.78)		
7 Mai Tran Tuan, Anh	16	Quan Doi	1:51.91	2:30.26	q
r:+0.71 34.87	1:13.61 (38.74)	1:53.31 (39.70)	2:30.26 (36.95)		
8 Pham Van, Xuan	15	Hai Duong	NT	2:38.22	q
r:+0.69 35.36	1:15.33 (39.97)	1:56.56 (41.23)	2:38.22 (41.66)		
--- Huynh Man, Dat	21	Long An	1:53.00	DQ	
r:+0.74 31.98					
--- Nguyen Huu, Kim Son	20	Da Nang	1:50.00	DQ	
r:+0.66 31.81	1:10.25 (38.44)				

## Event 531 Women 200 LC Meter Freestyle

KLQG: 1:58.82 # 6/2016 Nguyen T Anh Vien  
 KLDH: 2:03.23 \* 05/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi  
 QDI

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	2:16.12	2:04.98	
r:+0.73 29.17	1:00.57 (31.40)	1:33.20 (32.63)	2:04.98 (31.78)		
2 Nguyen Thuy, Hien	13	Quan Doi	2:15.25	2:05.62	
r:+0.63 28.61	1:00.31 (31.70)	1:33.34 (33.03)	2:05.62 (32.28)		
3 Vo Thi, My Tien	17	Long An	2:10.64	2:07.12	
r:+0.75 29.58	1:01.18 (31.60)	1:33.80 (32.62)	2:07.12 (33.32)		
4 Dang Ai, My	16	An Giang	2:11.48	2:07.69	
r:+0.65 30.23	1:02.33 (32.10)	1:35.28 (32.95)	2:07.69 (32.41)		
5 Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	2:17.11	2:12.32	
r:+0.96 30.05	1:02.95 (32.90)	1:37.70 (34.75)	2:12.32 (34.62)		
6 Le Thu, Thuy	15	Dong Nai	2:16.51	2:13.77	
r:+0.85 30.87	1:04.53 (33.66)	1:38.75 (34.22)	2:13.77 (35.02)		
7 Dinh Thi, Ngoc Diep	15	Ha Noi	2:26.17	2:20.47	
r:+0.77 32.20	1:07.57 (35.37)	1:44.34 (36.77)	2:20.47 (36.13)		
8 Bui Quynh, Anh	13	Ha Noi	2:23.10	2:20.94	
r:+0.74 32.07	1:08.29 (36.22)	1:45.41 (37.12)	2:20.94 (35.53)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 531 Women 200 LC Meter Freestyle

KLQG: 1:58.82 # 6/2016 Nguyen T Anh Vien

KLDH: 2:03.23 \* 05/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Vo Thi, My Tien	17	Long An	2:06.00	2:10.64	q
r:+0.77 31.23	1:04.54 (33.31)	1:37.81 (33.27)	2:10.64 (32.83)		
2 Dang Ai, My	16	An Giang	2:06.00	2:11.48	q
r:+0.66 32.17	1:05.88 (33.71)	1:39.08 (33.20)	2:11.48 (32.40)		
3 Nguyen Thuy, Hien	13	Quan Doi	2:13.00	2:15.25	q
r:+0.65 31.11	1:05.81 (34.70)	1:40.88 (35.07)	2:15.25 (34.37)		
4 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	2:00.00	2:16.12	q
r:+0.78 31.42	1:06.12 (34.70)	1:41.44 (35.32)	2:16.12 (34.68)		
5 Le Thu, Thuy	15	Dong Nai	2:06.00	2:16.51	q
r:+0.85 32.80	1:08.53 (35.73)	1:42.85 (34.32)	2:16.51 (33.66)		
6 Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	2:07.00	2:17.11	q
r:+0.89 32.09	1:07.02 (34.93)	1:42.78 (35.76)	2:17.11 (34.33)		
7 Vu Thi, Phuong Anh	21	TP Ho Chi Minh	2:10.36	2:20.10	q
r:+0.70 30.87	1:04.79 (33.92)	1:43.20 (38.41)	2:20.10 (36.90)		
8 Bui Quynh, Anh	13	Ha Noi	2:20.00	2:23.10	q
r:+0.74 32.56	1:09.20 (36.64)	1:47.29 (38.09)	2:23.10 (35.81)		
9 Nguyen Kha, Nhi	14	TP Ho Chi Minh	2:07.89	2:24.48	
r:+0.84 32.61	1:10.00 (37.39)	1:47.92 (37.92)	2:24.48 (36.56)		
10 Dinh Thi, Ngoc Diep	15	Ha Noi	2:18.00	2:26.17	
r:+0.78 33.31	1:10.11 (36.80)	1:48.30 (38.19)	2:26.17 (37.87)		
11 Nguyen Thanh, Thuy	13	Quang Ninh	2:20.60	2:27.60	
r:+0.78 31.91	1:09.20 (37.29)	1:48.97 (39.77)	2:27.60 (38.63)		
12 Le Thi, Thuy Trang	14	Da Nang	2:10.00	2:28.74	
r:+0.73 35.13	1:13.17 (38.04)	1:51.43 (38.26)	2:28.74 (37.31)		
13 Nguyen Thi, Thanh Thi	13	Quang Ninh	2:24.90	2:29.05	
r:+0.75 34.11	1:11.58 (37.47)	1:50.80 (39.22)	2:29.05 (38.25)		
14 Pham Thi, Thuy Tien	13	Hai Duong	NT	2:51.36	
r:+0.98 37.50	1:20.66 (43.16)	2:06.67 (46.01)	2:51.36 (44.69)		

## Event 532 Men 200 LC Meter IM

KLQG: 2:01.58 # 5/2022 Tran Hung Nguyen

KLDH: 2:03.59 \* 05/12/2018 Khoi Tran Duy

Quan Doi

HCM

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Tran Hung, Nguyen	19	Quan Doi	2:11.00	2:03.40*	
r:+0.64 27.07	59.11 (32.04)	1:34.26 (35.15)	2:03.40 (29.14)		
2 Nguyen Quang, Thuan	16	Quan Doi	2:04.00	2:03.45*	
r:+0.66 26.85	59.31 (32.46)	1:34.97 (35.66)	2:03.45 (28.48)		
3 Cao Van, Dung	19	Ha Noi	2:05.00	2:12.86	
r:+0.72 27.30	59.69 (32.39)	1:41.33 (41.64)	2:12.86 (31.53)		
4 Vo Minh, Hieu	16	Dong Nai	2:10.00	2:14.24	
r:+0.69 28.60	1:04.05 (35.45)	1:41.92 (37.87)	2:14.24 (32.32)		
5 Lai Duc, Khiem	18	TP Ho Chi Minh	2:13.85	2:14.31	
r:+0.68 28.47	1:04.44 (35.97)	1:43.63 (39.19)	2:14.31 (30.68)		
6 Nguyen Hoang, Dang	14	An Giang	2:15.00	2:20.10	
r:+0.70 29.66	1:07.14 (37.48)	1:48.39 (41.25)	2:20.10 (31.71)		
7 Tran Van, Nguyen Quoc	14	Da Nang	2:20.00	2:22.30	
r:+0.70 28.53	1:06.49 (37.96)	1:51.89 (45.40)	2:22.30 (30.41)		
8 Le Manh, Cuong	16	Ha Noi	2:15.00	2:23.21	
r:+0.73 29.82	1:08.05 (38.23)	1:50.23 (42.18)	2:23.21 (32.98)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 533 Women 400 LC Meter IM

KLQG: 4:36.85 # 8/2016 Nguyen T Anh Vien Quan Doi  
 KLDH: 4:51.56 \* 05/12/2018 Anh Vien Nguyen T QDI

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	4:44.00	4:54.97	
r:+0.76 31.20	1:06.60 (35.40)	1:43.89 (37.29)	2:20.85 (36.96)		
3:03.63 (42.78)	3:45.94 (42.31)	4:21.68 (35.74)	4:54.97 (33.29)		
2 Vo Thi, My Tien	17	Long An	4:50.00	4:57.87	
r:+0.80 31.46	1:06.63 (35.17)	1:47.65 (41.02)	2:27.92 (40.27)		
3:09.15 (41.23)	3:50.01 (40.86)	4:23.70 (33.69)	4:57.87 (34.17)		
3 Nguyen Thi, Nhat Lam	19	Vinh Long	5:00.00	5:09.33	
r:+0.80 31.97	1:08.29 (36.32)	1:48.26 (39.97)	2:28.30 (40.04)		
3:11.54 (43.24)	3:56.09 (44.55)	4:33.14 (37.05)	5:09.33 (36.19)		
4 Tran Pham, Tu Minh	13	Dong Nai	5:05.00	5:26.42	
r:+0.72 32.88	1:11.22 (38.34)	1:56.08 (44.86)	2:38.81 (42.73)		
3:26.80 (47.99)	4:14.95 (48.15)	4:52.97 (38.02)	5:26.42 (33.45)		
5 Le Nguyen, Nhu Quynh	14	TP Ho Chi Minh	5:30.00	5:26.65	
r:+0.72 33.12	1:10.60 (37.48)	1:54.39 (43.79)	2:36.20 (41.81)		
3:26.76 (50.56)	4:16.11 (49.35)	4:52.20 (36.09)	5:26.65 (34.45)		
6 Do Ngoc, Hoang Lam	14	Quan Doi	5:23.00	5:30.88	
r:+0.81 33.25	1:14.43 (41.18)	2:00.97 (46.54)	2:44.83 (43.86)		
3:29.97 (45.14)	4:15.44 (45.47)	4:54.73 (39.29)	5:30.88 (36.15)		
7 Le Thi, Thuy Trang	14	Da Nang	5:03.00	5:30.95	
r:+0.75 33.72	1:13.23 (39.51)	1:57.61 (44.38)	2:40.32 (42.71)		
3:29.33 (49.01)	4:17.58 (48.25)	4:55.65 (38.07)	5:30.95 (35.30)		
8 Le Thi, Kim Ngan	11	An Giang	5:40.00	5:31.41	
r:+0.73 35.40	1:18.06 (42.66)	2:00.17 (42.11)	2:42.02 (41.85)		
3:30.89 (48.87)	4:18.97 (48.08)	4:56.15 (37.18)	5:31.41 (35.26)		

## Event 534 Men 400 LC Meter Freestyle Relay

KLQG: 3:21.81 # 5/2022 Chuyen, Paul, Jeremie, Phuoc Da Nang  
 KLDH: 3:28.77 \* 05/12/2018 Da Nang DNG  
 C Ngo Dinh, T Tran Dinh, P Ngo Van, P Hoang Quy

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Da Nang	A	NT	3:25.62 *	
1) Nguyen Huu, Kim Son 20	2) r:0.57 Nguyen Viet, Tuong 18	3) r:0.39 Nguyen Quoc, Khai Hoan 4	4) r:0.63 Hoang Quy, Phuoc 29	
r:+0.64 25.07	51.87 (51.87)	1:16.60 (24.73)	1:43.11 (51.24)	
2:08.46 (25.35)	2:35.70 (52.59)	2:59.88 (24.18)	3:25.62 (49.92)	
2 Quan Doi	A	NT	3:28.92	
1) Mai Tran Tuan, Anh 16	2) r:0.44 Ho Nguyen Duy, Khoa 17	3) r:0.40 Nguyen Quang, Thuan 16	4) r:0.38 Tran Hung, Nguyen 19	
r:+0.66 25.65	53.50 (53.50)	1:18.99 (25.49)	1:46.48 (52.98)	
2:11.54 (25.06)	2:38.45 (51.97)	3:02.82 (24.37)	3:28.92 (50.47)	
3 TP Ho Chi Minh	A	NT	3:31.38	
1) Bui Gia, Hoang 17	2) r:0.47 Tran Duy, Khoi 25	3) r:0.44 Truong Viet, Vu 18	4) r:0.42 Luong Jeremie, Loic Ninc	
r:+0.66 25.55	53.31 (53.31)	1:19.02 (25.71)	1:46.39 (53.08)	
2:12.29 (25.90)	2:40.80 (54.41)	3:03.98 (23.18)	3:31.38 (50.58)	
4 Ha Noi	A	NT	3:40.90	
1) Do Ngoc, Vinh 18	2) r:0.60 Phuong Duc, Binh 19	3) r:0.26 Nguyen Van, Hai 19	4) r:0.44 Nguyen Huu, Duc 15	
r:+0.63 25.47	52.09 (52.09)	1:18.63 (26.54)	1:47.73 (55.64)	
2:14.01 (26.28)	2:43.50 (55.77)	3:10.49 (26.99)	3:40.90 (57.40)	



## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 535 Women 400 LC Meter Freestyle Relay

KLQG: 3:53.42 # 12/2018 Tram, Anh, Thi, Ngoc

KLDH: 3:53.42 \* 05/12/2018 TP Ho Chi Minh

TP Ho Chi Minh

HCM

P Nguyen D, T Tran Ngoc, N Le Hoang Bao, P Vu T

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 TP Ho Chi Minh	A	NT	3:55.74	
1) Nguyen Kha, Nhi 14	2) r:0.45 Vu Thi, Phuong Anh' 14	3) r:0.48 Vu Thi, Phuong Anh 21	4) r:0.40 Nguyen Diep, Phuong Tra	
r:+0.78 28.48	59.74 (59.74)	1:27.88 (28.14)	1:58.20 (58.46)	
2:26.39 (28.19)	2:57.37 (59.17)	3:25.37 (28.00)	3:55.74 (58.37)	
2 Long An	A	NT	4:00.14	
1) Le Thi, Thien Kim 23	2) r:0.86 Tran Thi, Hong Gam 17	3) r:0.63 Tran Thi, Hong Cam 21	4) r:0.50 Vo Thi, My Tien 17	
r:+0.73 29.02	1:00.42 (1:00.42)	1:29.67 (29.25)	2:00.38 (59.96)	
2:29.24 (28.86)	3:00.15 (59.77)	3:28.86 (28.71)	4:00.14 (59.99)	
3 Dong Nai	A	NT	4:04.52	
1) Le Thi, Thanh Tuyen 13	2) r:0.21 Le Quynh, Nhu 14	3) r:0.56 Tran Pham, Tu Minh 13	4) r:0.50 Le Thu, Thuy 15	
r:+0.71 29.08	1:01.25 (1:01.25)	1:30.16 (28.91)	2:00.90 (59.65)	
2:30.88 (29.98)	3:02.90 (1:02.00)	3:32.36 (29.46)	4:04.52 (1:01.62)	
4 Quan Doi	A	NT	4:05.32	
1) Nguyen Thi, Dieu Linh 25	2) r:0.28 Le Huynh, Tu Uyen 12	3) r:0.37 Tran Anh, Thu 13	4) r:0.40 Nguyen Thuy, Hien 13	
r:+0.72 30.13	1:02.99 (1:02.99)	1:32.38 (29.39)	2:05.09 (1:02.10)	
2:34.90 (29.81)	3:07.43 (1:02.34)	3:35.73 (28.30)	4:05.32 (57.89)	
5 Da Nang	A	NT	4:06.47	
1) Le Thi, Nhu Quynh 17	2) r:0.32 Ton Nu, My Ngoc 19	3) r:0.22 Nguyen Thi, Huong Gian	4) r:0.54 Le Thi, Thuy Trang 14	
r:+0.73 29.86	1:02.83 (1:02.83)	1:32.25 (29.42)	2:03.79 (1:00.96)	
2:32.84 (29.05)	3:05.37 (1:01.58)	3:34.41 (29.04)	4:06.47 (1:01.10)	
6 Ha Noi	A	NT	4:25.59	
1) Dinh Thi, Ngoc Diep 15	2) r:0.55 Bui Quynh, Anh 13	3) r:0.45 Le Diem, Quynh 16	4) r:0.52 Dao Thi, Anh 14	
r:+0.77 30.54	1:04.71 (1:04.71)	1:35.97 (31.26)	2:11.64 (1:06.93)	
2:42.76 (31.12)	3:17.78 (1:06.14)	3:49.97 (32.19)	4:25.59 (1:07.81)	

## Event 636 Women 50 LC Meter Butterfly

KLQG: 27.60 # 10/2015 Nguyen Diep Phuong Tram

KLDH: 28.10 \* 12/2014 Nguyen T Anh Vien

TP Ho Chi Minh

Quan Doi

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Pham Thi, Van	17	Thanh Hoa	28.72	27.58#	
r:+0.70					
2 Nguyen Thuy, Hien	13	Quan Doi	29.16	28.62	
r:+0.64					
3 Le Quynh, Nhu	14	Dong Nai	31.46	28.83	
r:+0.70					
4 Nguyen Kha, Nhi	14	TP Ho Chi Minh	29.20	28.92	
r:+0.80					
5 Tran Ha, Trang	21	Hai Phong	29.59	29.63	
r:+0.64					
6 Le Thi, Thuy Trang	14	Da Nang	31.43	30.74	
r:+0.70					
7 Le Thi, Thanh Tuyen	13	Dong Nai	31.47	31.19	
r:+0.72					
8 Dao Thi, Anh	14	Ha Noi	31.82	31.80	
r:+0.87					

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Event 636 Women 50 LC Meter Butterfly

KLQG: 27.60 # 10/2015 Nguyen Diep Phuong Tram TP Ho Chi Minh  
 KLDH: 28.10 \* 12/2014 Nguyen T Anh Vien Quan Doi

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Pham Thi, Van r:+0.72	17	Thanh Hoa	26.80	28.72	q
2 Nguyen Thuy, Hien r:+0.66	13	Quan Doi	28.90	29.16	q
3 Nguyen Kha, Nhi r:+0.70	14	TP Ho Chi Minh	29.16	29.20	q
4 Tran Ha, Trang r:+0.71	21	Hai Phong	30.00	29.59	q
5 Le Thi, Thuy Trang r:+0.72	14	Da Nang	29.00	31.43	q
6 Le Quynh, Nhu r:+0.74	14	Dong Nai	27.80	31.46	q
7 Le Thi, Thanh Tuyen r:+0.73	13	Dong Nai	28.60	31.47	q
8 Dao Thi, Anh r:+0.78	14	Ha Noi	31.00	31.82	q
9 Pham Hai, Thanh r:+0.75	13	Thanh Hoa	30.00	32.19	
10 Dang Ai, My r:+0.70	16	An Giang	28.70	32.61	
11 Nguyen Thu, Thao r:+0.68	16	Ha Noi	30.00	32.80	
12 Ton Nu, My Ngoc r:+0.78	19	Da Nang	30.00	32.85	
13 Ho Kha, Han r:+0.74	13	Long An	28.50	33.06	
14 Hoang Thi, Kieu Mai r:+0.75	13	Hai Duong	NT	33.60	
15 Nguyen Thanh, Thuy r:+0.74	13	Quang Ninh	31.50	34.18	
16 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.76	21	TP Ho Chi Minh	29.42	35.42	
17 Tran Thi, Hong Cam r:+0.84	21	Long An	27.70	36.91	
--- Le Thi, My Thao False start r:+0.74	26	Binh Phuoc	28.00	DQ	

## Event 637 Men 50 LC Meter Butterfly

KLQG: 24.08 # 12/2019 Le Nguyen Paul An Giang  
 KLDH: 24.36 \* 06/12/2018 Paul Le Nguyen AGG

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
*1 Nguyen Hoang, Khang r:+0.66	19	Vinh Long	25.27	24.22 *	
*1 Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.60	22	TP Ho Chi Minh	24.98	24.22 *	
3 Le Nguyen, Paul r:+0.65	30	An Giang	25.78	24.69	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## A - Final ... (Event 637 Men 50 LC Meter Butterfly)

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
4 Ho Nguyen Duy, Khoa r:+0.56	17	Quan Doi	26.17	25.75	
5 Nguyen Van, Hai r:+0.75	19	Ha Noi	26.35	26.36	
6 Phuong Duc, Binh r:+0.70	19	Ha Noi	26.30	26.45	
7 Do Chien, Thang r:+0.78	21	Hai Phong	26.44	26.74	
8 Nong Nguyen, Phuong Nam r:+0.67	16	Binh Phuoc	27.15	26.86	

## Event 637 Men 50 LC Meter Butterfly

KLQG: 24.08 # 12/2019 Le Nguyen Paul

KLDH: 24.36 \* 06/12/2018 Paul Le Nguyen

An Giang

AGG

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	
<b>Preliminaries</b>					
1 Luong Jeremie, Loic Nino r:+0.60	22	TP Ho Chi Minh	24.55	24.98	q
2 Nguyen Hoang, Khang r:+0.68	19	Vinh Long	24.00	25.27	q
3 Le Nguyen, Paul r:+0.62	30	An Giang	23.29	25.78	q
4 Ho Nguyen Duy, Khoa r:+0.66	17	Quan Doi	25.00	26.17	q
5 Phuong Duc, Binh r:+0.67	19	Ha Noi	26.00	26.30	q
6 Nguyen Van, Hai r:+0.77	19	Ha Noi	25.00	26.35	q
7 Do Chien, Thang r:+0.79	21	Hai Phong	25.00	26.44	q
8 Nong Nguyen, Phuong Nam r:+0.66	16	Binh Phuoc	25.60	27.15	q
9 Huynh Ha, Trong Khoi r:+0.64	17	Ben Tre	27.00	27.78	
10 Nguyen Viet, Tuong r:+0.64	18	Da Nang	25.50	27.86	
11 Mai Duc, Hieu r:+0.70	12	Quan Doi	27.27	27.91	
12 Nguyen Van, An r:+0.75	18	Hai Duong	NT	28.35	
13 Hoang Quy, Phuoc r:+0.67	29	Da Nang	24.70	28.82	

## Event 638 Women 200 LC Meter Backstroke

KLQG: 2:12.25 # 9/2014 Nguyen T Anh Vien

KLDH: 2:16.44 \* 06/12/2018 Anh Vien Nguyen T

Quan Doi

QDI

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Nguyen Thi, Anh Vien r:+0.65 32.08	26	Quan Doi	2:34.22	2:18.98	
			1:06.61 (34.53)	1:42.29 (35.68)	2:18.98 (36.69)
2 Nguyen Diep, Phuong Tram r:+0.71 33.81	21	TP Ho Chi Minh	2:36.50	2:22.12	
			1:10.50 (36.69)	1:47.44 (36.94)	2:22.12 (34.68)

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## A - Final ... (Event 638 Women 200 LC Meter Backstroke)

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
3 Hoang Thi, Trang	21	Thanh Hoa	2:32.55	2:22.32	
r:+0.66 32.97	1:09.27 (36.30)	1:46.11 (36.84)	2:22.32 (36.21)		
4 Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	2:36.40	2:22.59	
r:+0.73 34.06	1:09.77 (35.71)	1:46.37 (36.60)	2:22.59 (36.22)		
5 Nguyen Thi, Nhat Lam	19	Vinh Long	2:38.38	2:27.37	
r:+0.80 35.57	1:12.82 (37.25)	1:50.44 (37.62)	2:27.37 (36.93)		
6 Dang Hoang, Bao Tien	19	TP Ho Chi Minh	2:40.64	2:33.98	
r:+0.68 36.02	1:15.20 (39.18)	1:54.85 (39.65)	2:33.98 (39.13)		
7 Le Thi, Thuy Trang	14	Da Nang	2:41.08	2:34.23	
r:+0.68 36.49	1:15.23 (38.74)	1:55.08 (39.85)	2:34.23 (39.15)		
8 Tran Anh, Thu	13	Quan Doi	2:36.87	2:35.46	
r:+0.65 36.19	1:16.78 (40.59)	1:57.86 (41.08)	2:35.46 (37.60)		

## Event 638 Women 200 LC Meter Backstroke

KLQG: 2:12.25 # 9/2014 Nguyen T Anh Vien

Quan Doi

KLDH: 2:16.44 \* 06/12/2018 Anh Vien Nguyen T

QDI

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	Points
<b>Preliminaries</b>					
1 Hoang Thi, Trang	21	Thanh Hoa	2:17.00	2:32.55	q
r:+0.71 35.70	1:14.14 (38.44)	1:53.80 (39.66)	2:32.55 (38.75)		
2 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	2:22.00	2:34.22	q
r:+0.74 35.47	1:14.31 (38.84)	1:54.57 (40.26)	2:34.22 (39.65)		
3 Tran Thi, Hong Gam	17	Long An	2:25.00	2:36.40	q
r:+0.76 37.03	1:16.42 (39.39)	1:56.09 (39.67)	2:36.40 (40.31)		
4 Nguyen Diep, Phuong Tram	21	TP Ho Chi Minh	2:28.08	2:36.50	q
r:+0.72 36.92	1:17.00 (40.08)	1:57.25 (40.25)	2:36.50 (39.25)		
5 Tran Anh, Thu	13	Quan Doi	2:30.00	2:36.87	q
r:+0.66 37.12	1:17.26 (40.14)	1:58.29 (41.03)	2:36.87 (38.58)		
6 Nguyen Thi, Nhat Lam	19	Vinh Long	2:23.00	2:38.38	q
r:+0.78 37.88	1:17.98 (40.10)	1:58.52 (40.54)	2:38.38 (39.86)		
7 Dang Hoang, Bao Tien	19	TP Ho Chi Minh	2:31.46	2:40.64	q
r:+0.70 37.87	1:18.77 (40.90)	2:00.60 (41.83)	2:40.64 (40.04)		
8 Le Thi, Thuy Trang	14	Da Nang	2:24.00	2:41.08	q
r:+0.74 38.40	1:19.39 (40.99)	2:00.99 (41.60)	2:41.08 (40.09)		
9 Do Thi, Tuyet Mai	15	Hai Phong	NT	2:41.60	
r:+0.69 37.23	1:17.90 (40.67)	2:00.69 (42.79)	2:41.60 (40.91)		
10 Le Thi, Kim Ngan	11	An Giang	2:40.00	2:42.30	
r:+0.62 38.13	1:20.13 (42.00)	2:02.03 (41.90)	2:42.30 (40.27)		
11 Dinh Thi, Ngoc Diep	15	Ha Noi	2:35.00	2:46.14	
r:+0.60 38.55	1:20.60 (42.05)	2:04.00 (43.40)	2:46.14 (42.14)		

## Event 639 Men 200 LC Meter Backstroke

KLQG: 2:01.22 # 5/2022 Tran Hung Nguyen

Quan Doi

KLDH: 2:02.16 \* 06/12/2018 Khoi Tran Duy

HCM

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Tran Hung, Nguyen	19	Quan Doi	2:00.00	2:03.32	
r:+0.54 29.67	1:01.45 (31.78)	1:33.44 (31.99)	2:03.32 (29.88)		
2 Cao Van, Dung	19	Ha Noi	2:02.00	2:03.65	
r:+0.63 29.44	1:01.36 (31.92)	1:33.39 (32.03)	2:03.65 (30.26)		
3 Mai Tran Tuan, Anh	16	Quan Doi	2:03.10	2:04.76	
r:+0.53 29.68	1:01.70 (32.02)	1:33.69 (31.99)	2:04.76 (31.07)		
4 Le Nguyen, Thanh Dan	16	TP Ho Chi Minh	2:12.24	2:10.84	
r:+0.65 30.68	1:03.89 (33.21)	1:38.37 (34.48)	2:10.84 (32.47)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

**(Event 639 Men 200 LC Meter Backstroke)**

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
5 Vo Tri, Trung	18	An Giang	2:07.60	2:21.60	
r:+0.64 32.57	1:08.79 (36.22)	1:45.57 (36.78)	2:21.60 (36.03)		
6 Ngo Tuan, Lam	17	Da Nang	2:16.00	2:22.42	
r:+0.65 32.24	1:08.07 (35.83)	1:45.41 (37.34)	2:22.42 (37.01)		
7 Le Manh, Cuong	16	Ha Noi	2:20.00	2:29.05	
r:+0.72 33.57	1:11.01 (37.44)	1:50.16 (39.15)	2:29.05 (38.89)		

**Event 640 Women 200 LC Meter Breaststroke**

KLQG: 2:30.89 # 8/2017 Nguyen T Anh Vien

KLDH: 2:31.75 \* 06/12/2018 Phuong Anh Vu T

Quan Doi

HCM

Name	Age	Team	Prelim Time	Finals Time	Points
<b>A - Final</b>					
1 Vo Thi, My Tien	17	Long An	2:53.73	2:37.80	
r:+0.76 36.79	1:17.03 (40.24)	1:56.87 (39.84)	2:37.80 (40.93)		
2 Vu Thi, Phuong Anh	21	TP Ho Chi Minh	2:50.94	2:38.96	
r:+0.72 35.39	1:15.88 (40.49)	1:56.91 (41.03)	2:38.96 (42.05)		
3 Nguyen Ngoc, Anh Thu	15	Quang Binh	2:50.56	2:39.31	
r:+0.79 36.07	1:16.66 (40.59)	1:58.07 (41.41)	2:39.31 (41.24)		
4 Le Thi Hong, Dieu	14	Quan Doi	2:51.50	2:41.01	
r:+0.79 36.24	1:17.17 (40.93)	1:58.99 (41.82)	2:41.01 (42.02)		
5 Ha Thi, Kieu My	14	An Giang	2:52.41	2:50.31	
r:+0.75 37.25	1:21.15 (43.90)	2:06.00 (44.85)	2:50.31 (44.31)		
6 Le Thi, Nhu Quynh	17	Da Nang	2:54.78	2:51.10	
r:+0.72 38.05	1:21.77 (43.72)	2:06.03 (44.26)	2:51.10 (45.07)		
7 Nguyen Thi, Yen Nhi	13	Hai Phong	2:55.30	2:52.25	
r:+0.76 38.81	1:21.54 (42.73)	2:05.94 (44.40)	2:52.25 (46.31)		
8 Bui Quynh, Anh	13	Ha Noi	2:59.41	2:56.59	
r:+0.72 38.20	1:23.68 (45.48)	2:10.33 (46.65)	2:56.59 (46.26)		

**Event 640 Women 200 LC Meter Breaststroke**

KLQG: 2:30.89 # 8/2017 Nguyen T Anh Vien

KLDH: 2:31.75 \* 06/12/2018 Phuong Anh Vu T

Quan Doi

HCM

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time	Points
<b>Preliminaries</b>					
1 Nguyen Ngoc, Anh Thu	15	Quang Binh	2:36.90	2:50.56	q
r:+0.79 38.62	1:21.87 (43.25)	2:06.29 (44.42)	2:50.56 (44.27)		
2 Vu Thi, Phuong Anh	21	TP Ho Chi Minh	2:40.23	2:50.94	q
r:+0.71 37.90	1:20.55 (42.65)	2:05.29 (44.74)	2:50.94 (45.65)		
3 Le Thi Hong, Dieu	14	Quan Doi	2:39.00	2:51.50	q
r:+0.89 38.64	1:21.44 (42.80)	2:05.74 (44.30)	2:51.50 (45.76)		
4 Ha Thi, Kieu My	14	An Giang	2:44.00	2:52.41	q
r:+0.77 38.88	1:23.08 (44.20)	2:07.96 (44.88)	2:52.41 (44.45)		
5 Vo Thi, My Tien	17	Long An	2:35.00	2:53.73	q
r:+0.81 40.31	1:24.95 (44.64)	2:09.54 (44.59)	2:53.73 (44.19)		
6 Le Thi, Nhu Quynh	17	Da Nang	2:45.00	2:54.78	q
r:+0.82 39.99	1:23.99 (44.00)	2:09.37 (45.38)	2:54.78 (45.41)		
7 Nguyen Thi, Yen Nhi	13	Hai Phong	2:29.00	2:55.30	q
r:+0.81 39.43	1:24.56 (45.13)	2:10.04 (45.48)	2:55.30 (45.26)		
8 Bui Quynh, Anh	13	Ha Noi	2:47.00	2:59.41	q
r:+0.74 40.07	1:26.36 (46.29)	2:12.97 (46.61)	2:59.41 (46.44)		
9 Nguyen Thi, Anh Vien	26	Quan Doi	2:33.00	2:59.73	
r:+0.75 40.36	1:25.70 (45.34)	2:12.19 (46.49)	2:59.73 (47.54)		

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

## Preliminaries ... (Event 640 Women 200 LC Meter Breaststroke)

Name	Age	Team	Seed Time	Prelim Time
10 Le Diem, Quynh	16	Ha Noi	2:53.00	3:05.80
r:+0.72 42.56	1:30.24 (47.68)	2:18.56 (48.32)	3:05.80 (47.24)	
11 Nguyen Dieu, Vy	13	Thanh Hoa	2:44.00	3:08.59
r:+0.71 40.39	1:27.51 (47.12)	2:18.01 (50.50)	3:08.59 (50.58)	
--- Tran Thi, Hue Man	12	TP Ho Chi Minh	2:50.00	DQ
Did not touch wall with both hands simultaneously at turn and/or finish				
r:+0.67 40.28	1:25.88 (45.60)	2:13.03 (47.15)	DQ (45.26)	

## Event 641 Men 200 LC Meter Breaststroke

KLQG: 2:12.09 # 5/2022 Pham Thanh Bao Ben Tre  
 KLDH: 2:14.69 \* 06/12/2018 Bao Pham Thanh BTE

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Pham Thanh, Bao	21	Ben Tre	2:12.00	2:12.82 *	
r:+0.64 30.47	1:04.22 (33.75)	1:38.59 (34.37)	2:12.82 (34.23)		
2 Le Thanh, Duoc	18	Quan Doi	2:18.00	2:17.85	
r:+0.63 30.83	1:06.03 (35.20)	1:41.65 (35.62)	2:17.85 (36.20)		
3 Nguyen Van, Thang	22	Ha Noi	2:17.00	2:20.69	
r:+0.73 32.24	1:08.86 (36.62)	1:45.03 (36.17)	2:20.69 (35.66)		
4 Le Trong, Phuc	17	An Giang	2:20.18	2:23.70	
r:+0.65 31.52	1:07.54 (36.02)	1:43.80 (36.26)	2:23.70 (39.90)		
5 Ta Minh, Hieu	17	Hai Phong	2:12.00	2:24.01	
r:+0.64 32.32	1:09.09 (36.77)	1:46.27 (37.18)	2:24.01 (37.74)		
6 Cao Chi, Hieu	18	Dong Nai	2:21.00	2:27.95	
r:+0.76 32.29	1:09.61 (37.32)	1:48.06 (38.45)	2:27.95 (39.89)		
7 Vo Minh, Hieu	16	Dong Nai	2:23.00	2:33.59	
r:+0.68 33.93	1:12.38 (38.45)	1:52.24 (39.86)	2:33.59 (41.35)		
8 Ta Viet, Anh	14	Quan Doi	2:30.00	2:37.81	
r:+0.71 35.74	1:16.26 (40.52)	1:57.25 (40.99)	2:37.81 (40.56)		

## Event 642 Women 800 LC Meter Freestyle Relay

KLQG: 8:34.50 # 12/2018 Tram, Anh, Thi, Ngoc TP Ho Chi Minh  
 KLDH: 8:34.50 \* 06/12/2018 TP Ho Chi Minh HCM  
 N Le Hoang Bao, P Nguyen D, T Tran Ngoc, P Vu T

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Long An	A	NT	8:36.97	
1) Tran Thi, Hong Gam 17	2) r:0.70 Tran Thi, Hong Cam 21	3) r:0.73 Le Thi, Thien Kim 23	4) r:0.60 Vo Thi, My Tien 17	
r:+0.84 29.74	1:02.34 (1:02.34)	1:36.41 (1:36.41)	2:09.38 (2:09.38)	
2:39.03 (29.65)	3:11.28 (1:01.90)	3:44.55 (1:35.17)	4:17.63 (2:08.25)	
4:47.54 (29.91)	5:20.45 (1:02.82)	5:55.01 (1:37.38)	6:29.61 (2:11.98)	
6:58.61 (29.00)	7:30.63 (1:01.02)	8:03.53 (1:33.92)	8:36.97 (2:07.36)	
2 TP Ho Chi Minh	A	NT	8:45.98	
1) Nguyen Kha, Nhi 14	2) r:0.50 Vu Thi, Phuong Anh' 14	3) r:0.54 Vu Thi, Phuong Anh 21	4) r:0.33 Nguyen Diep, Phuong Tra	
r:+0.80 29.26	1:01.97 (1:01.97)	1:35.78 (1:35.78)	2:09.53 (2:09.53)	
2:38.30 (28.77)	3:10.30 (1:00.77)	3:44.01 (1:34.48)	4:18.29 (2:08.76)	
4:47.46 (29.17)	5:21.33 (1:03.04)	5:57.25 (1:38.96)	6:32.89 (2:14.60)	
7:02.77 (29.88)	7:35.84 (1:02.95)	8:10.95 (1:38.06)	8:45.98 (2:13.09)	
3 Dong Nai	A	NT	8:52.81	
1) Tran Pham, Tu Minh 13	2) r:0.23 Le Quynh, Nhu 14	3) r:0.48 Le Thi, Thanh Tuyen 13	4) r:0.08 Le Thu, Thuy 15	
r:+0.77 31.24	1:05.12 (1:05.12)	1:40.37 (1:40.37)	2:12.81 (2:12.81)	
2:42.54 (29.73)	3:16.84 (1:04.03)	3:52.83 (1:40.02)	4:27.62 (2:14.81)	
4:57.55 (29.93)	5:32.24 (1:04.62)	6:08.77 (1:41.15)	6:43.44 (2:15.82)	
7:13.50 (30.06)	7:46.36 (1:02.92)	8:20.26 (1:36.82)	8:52.81 (2:09.37)	

## GIAI BOI DAI HOI THE THAO TOAN QUOC 2022 - 12/12/2022 to 17/12/2022

## Results

**(Event 642 Women 800 LC Meter Freestyle Relay)**

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
4 Quan Doi	A	NT	9:02.70	
1) Nguyen Thuy, Hien 13	2) r:0.52 Le Huynh, Tu Uyen 12	3) r:0.73 Nguyen Phuong, Thao 144	r:0.54 Do Ngoc, Hoang Lam 14	
r:+0.67 29.15	1:02.34 (1:02.34)	1:36.40 (1:36.40)	2:08.04 (2:08.04)	
2:38.06 (30.02)	3:11.38 (1:03.34)	3:46.69 (1:38.65)	4:21.98 (2:13.94)	
4:53.88 (31.90)	5:29.30 (1:07.32)	6:06.43 (1:44.45)	6:41.63 (2:19.65)	
7:12.76 (31.13)	7:48.34 (1:06.71)	8:26.14 (1:44.51)	9:02.70 (2:21.07)	
5 Da Nang	A	NT	9:08.37	
1) Ton Nu, My Ngoc 19	2) r:0.13 Nguyen Thi, Huong Giang 3	3) r:0.48 Le Thi, Thuy Trang 14	4) r:0.53 Le Thi, Nhu Quynh 17	
r:+0.73 30.70	1:03.46 (1:03.46)	1:38.17 (1:38.17)	2:14.21 (2:14.21)	
2:45.66 (31.45)	3:20.23 (1:06.02)	3:54.99 (1:40.78)	4:30.45 (2:16.24)	
5:01.83 (31.38)	5:36.35 (1:05.90)	6:11.21 (1:40.76)	6:45.05 (2:14.60)	
7:17.10 (32.05)	7:52.74 (1:07.69)	8:30.11 (1:45.06)	9:08.37 (2:23.32)	
6 Ha Noi	A	NT	9:58.82	
1) Dinh Thi, Ngoc Diep 15	2) r:0.60 Bui Quynh, Anh 13	3) r:0.44 Le Diem, Quynh 16	4) r:0.44 Dao Thi, Anh 14	
r:+0.76 31.94	1:08.25 (1:08.25)	1:47.31 (1:47.31)	2:25.22 (2:25.22)	
2:58.33 (33.11)	3:38.03 (1:12.81)	4:18.50 (1:53.28)	4:57.65 (2:32.43)	
5:30.18 (32.53)	6:08.04 (1:10.39)	6:48.29 (1:50.64)	7:25.79 (2:28.14)	
8:00.72 (34.93)	8:39.86 (1:14.07)	9:19.65 (1:53.86)	9:58.82 (2:33.03)	

**Event 643 Men 800 LC Meter Freestyle Relay**

**KLQG: 7:16.21 # 5/2022 Phuoc, Nguyen, Hoang, Son Doi Tuyen**  
**KLDH: 7:35.95 \* 06/12/2018 Da Nang DNG**  
**C Ngo Dinh, T Tran Dinh, N Hoang Phan, P Hoang Quy**

Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points
1 Da Nang	A	NT	7:27.46 *	
1) Nguyen Viet, Tuong 18	2) r:0.48 Hoang Quy, Phuoc 29	3) r:0.57 Nguyen Quoc, Khai Hoan 4	r:0.30 Nguyen Huu, Kim Son 20	
r:+0.63 26.17	54.23 (54.23)	1:22.73 (1:22.73)	1:51.60 (1:51.60)	
2:17.46 (25.86)	2:45.82 (54.22)	3:14.28 (1:22.68)	3:41.94 (1:50.34)	
4:08.88 (26.94)	4:37.91 (55.97)	5:07.39 (1:25.45)	5:36.56 (1:54.62)	
6:02.35 (25.79)	6:30.95 (54.39)	6:59.54 (1:22.98)	7:27.46 (1:50.90)	
2 Quan Doi	A	NT	7:39.19	
1) Nguyen Quang, Thuan 16	2) r:0.53 Ho Nguyen Duy, Khoa 173	3) r:0.53 Mai Tran Tuan, Anh 16	4) r:0.49 Tran Hung, Nguyen 19	
r:+0.71 26.22	54.63 (54.63)	1:24.16 (1:24.16)	1:53.91 (1:53.91)	
2:20.43 (26.52)	2:49.55 (55.64)	3:19.05 (1:25.14)	3:48.24 (1:54.33)	
4:14.72 (26.48)	4:43.90 (55.66)	5:13.46 (1:25.22)	5:43.49 (1:55.25)	
6:11.23 (27.74)	6:41.06 (57.57)	7:10.94 (1:27.45)	7:39.19 (1:55.70)	
3 TP Ho Chi Minh	A	NT	7:40.30	
1) Luong Jeremie, Loic Nino 22	2) r:0.49 Le Do, Gia Khang 17	3) r:0.49 Truong Viet, Vu 18	4) r:0.47 Bui Gia, Hoang 17	
r:+0.61 26.42	55.23 (55.23)	1:25.13 (1:25.13)	1:52.15 (1:52.15)	
2:19.06 (26.91)	2:48.28 (56.13)	3:17.84 (1:25.69)	3:46.76 (1:54.61)	
4:14.30 (27.54)	4:43.95 (57.19)	5:14.10 (1:27.34)	5:44.42 (1:57.66)	
6:10.64 (26.22)	6:40.55 (56.13)	7:10.87 (1:26.45)	7:40.30 (1:55.88)	
4 Ha Noi	A	NT	8:00.71	
1) Cao Van, Dung 19	2) r:0.44 Phuong Duc, Binh 19	3) r:0.26 Nguyen Van, Hai 19	4) r:0.50 Do Ngoc, Vinh 18	
r:+0.71 26.99	56.68 (56.68)	1:27.84 (1:27.84)	1:59.04 (1:59.04)	
2:26.48 (27.44)	2:56.75 (57.71)	3:28.32 (1:29.28)	3:59.84 (2:00.80)	
4:26.65 (26.81)	4:57.45 (57.61)	5:29.65 (1:29.81)	6:02.30 (2:02.46)	
6:28.07 (25.77)	6:57.61 (55.31)	7:29.06 (1:26.76)	8:00.71 (1:58.41)	